

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thông tư số 18/2024/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2024
ban hành Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học;
cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ

(Tiếp theo Công báo số 1369 + 1370)

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHỦ ĐỀ 4. CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VIỆT NAM		
23. Cấu trúc làng xã Việt Nam	<ul style="list-style-type: none">- Trình bày được đặc điểm, cấu trúc và vai trò của làng, xã ở Việt Nam.- Nêu được ý nghĩa và tác dụng của hương ước làng, xã (lệ làng được ghi bằng văn bản) và luật tục (lệ làng quy định bằng lời nói).- Trình bày được một số ưu điểm và hạn chế của cộng đồng làng, xã ở Việt Nam.- Nêu được những hoạt động thực tế của cộng đồng làng, xã ở địa phương.	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tôn trọng, bảo tồn và phát huy những nét đẹp văn hóa của cộng đồng làng, xã. 	
24. Các tệ nạn xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về tệ nạn xã hội. - Kể tên được các tệ nạn xã hội. - Trình bày được nguyên nhân và tác hại của các tệ nạn xã hội. - Nêu được vai trò và trách nhiệm của các chủ thể trong việc phòng tránh các các tệ nạn xã hội. - Thực hành được việc liên hệ về các tệ nạn xã hội có xảy ra tại địa phương và trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc ngăn ngừa và giải quyết các tệ nạn xã hội. - Có ý thức và kỹ năng phòng, tránh không tham gia các tệ nạn xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tệ nạn xã hội: Rượu bia, cờ bạc, mê tín dị đoan, buôn bán người, nghiện hút ma túy... - Các chủ thể: Gia đình, nhà trường, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị, xã hội và cộng đồng.
25. Lao động trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm lao động trẻ em. - Nêu được nguyên nhân và hậu quả của việc lạm dụng lao động trẻ em. - Nêu được một số quy định pháp luật về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em. - Kể tên được một số hành vi vi phạm pháp luật về lạm dụng lao động trẻ em. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ được tình hình lao động trẻ em ở địa phương và các giải pháp của chính quyền địa phương về tình trạng lạm dụng lao động trẻ em. - Có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi của trẻ em trong quá trình sử dụng lao động đúng quy định. - Có trách nhiệm truyền thông cho mọi người trong gia đình và cộng đồng phản đối lạm dụng lao động trẻ em. 	
26. Gia đình ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm gia đình và nguồn gốc hình thành gia đình, các hình thái của gia đình. - Phân tích được vai trò và chức năng của gia đình. - Nêu được quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi thành viên trong gia đình. - Biết cách tuyên truyền cho mọi người có ý thức về cội nguồn, biết ơn tổ tiên và bảo vệ truyền thống của gia đình hiệu quả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng của gia đình: chức năng kinh tế, chức năng tái sinh sản duy trì nòi giống và chức năng nuôi dưỡng, giáo dục và các chức năng khác. - Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, con, ông bà và cháu; anh chị em ruột trong gia đình.
27. Nạn tảo hôn	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm tảo hôn. - Nêu được nguyên nhân và hậu quả của nạn tảo hôn đối với cá nhân và xã hội. - Đề xuất được một số giải pháp phòng tránh nạn tảo hôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tảo hôn là việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm thực hiện tốt các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. - Có ý thức vận động và truyền thông cho người dân trong cộng đồng về những tác hại của nạn tảo hôn. 	<p>hai bên chưa đủ tuổi kết hôn, cụ thể là nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên (điểm a khoản 1 Điều 8).</p> <p>- Tảo hôn là hành vi vi phạm pháp luật.</p>
CHỦ ĐỀ 5. VĂN HÓA ĐỊA PHƯƠNG		
28. Lễ hội truyền thống của địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các lễ hội truyền thống của địa phương. - Nêu được giá trị của các lễ hội truyền thống đối với đời sống con người địa phương. - Đề xuất được các biện pháp gìn giữ và quảng bá các lễ hội truyền thống của địa phương. - Có ý thức trách nhiệm giữ gìn và phát huy giá trị của các lễ hội truyền thống của địa phương. 	
29. Phong tục, tập quán của địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các phong tục, tập quán của địa phương. - Nêu được các giá trị của phong tục, tập quán đối với đời sống con người địa phương và xã hội Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp và những hành động giữ gìn và phát huy các giá trị của phong tục, tập quán địa phương. - Có ý thức giữ gìn và phát huy các phong tục, tập quán của địa phương. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
30. Danh lam thắng cảnh/di tích lịch sử - văn hóa của địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các danh lam thắng cảnh/di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu của địa phương. - Nêu được giá trị của danh lam thắng cảnh/di tích lịch sử - văn hóa đối với đời sống con người địa phương. - Xây dựng được kế hoạch hành động giữ gìn, bảo vệ và quảng bá danh lam thắng cảnh/di tích lịch sử - văn hóa ở địa phương. - Có ý thức trách nhiệm bảo tồn danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa của địa phương. 	Đền Hùng, Hồ Gươm; Thành Cổ Loa; Văn Miếu Quốc Tử Giám; Cố đô Hoa Lư; Điện Biên Phủ; Thành nhà Hồ; Cố đô Huế;
31. Nghệ thuật truyền thống của địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu của địa phương. - Nêu được giá trị của loại hình nghệ thuật truyền thống đối với đời sống con người địa phương. - Đề xuất được các biện pháp gìn giữ và quảng bá các giá trị của các loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu của địa phương. - Có ý thức và trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các loại hình nghệ thuật truyền thống của địa phương. 	

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời lượng

- Chương trình Giáo dục văn hóa - xã hội có tổng thời lượng là 180 tiết (60 buổi, mỗi buổi 3 tiết), các chủ đề được xây dựng phù hợp giữa kiến thức lý thuyết và thực hành gồm 107 tiết lý thuyết và 73 tiết thực hành, cụ thể: Chủ đề 1. Con người Việt Nam bao gồm 3 nội dung chính, được thực hiện với thời lượng là 18 tiết (10 tiết lý thuyết và 8 tiết thực hành); Chủ đề 2. Văn hóa Việt Nam bao gồm 15 nội dung chính, được thực hiện với thời lượng là 84 tiết (56 tiết lý thuyết và 28 tiết thực hành); Chủ đề 3. Giới và bình đẳng giới bao gồm 4 nội dung chính, được thực hiện với thời lượng là 24 tiết (12 tiết lý thuyết và 12 tiết thực hành); Chủ đề 4. Xã hội Việt Nam bao gồm 5 nội dung chính, được thực hiện với thời lượng là 30 tiết (17 tiết lý thuyết và 13 tiết thực hành); Chủ đề 5. Văn hóa địa phương gồm 4 nội dung chính, được thực hiện với thời lượng là 24 tiết (12 tiết lý thuyết và 12 tiết thực hành).

- Chương trình không quy định cụ thể số buổi/tuần, tháng, năm mà chỉ quy định số tiết cụ thể cho từng chủ đề. Khi xây dựng kế hoạch dạy học, các địa phương tùy theo nhu cầu, điều kiện thực tế và trình độ hiểu biết của người học để điều chỉnh thời lượng dạy học của từng nội dung/chủ đề cho phù hợp.

- Nội dung của Chương trình Giáo dục văn hóa - xã hội được thiết kế linh hoạt, mềm dẻo. Khi tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục văn hóa - xã hội cho người dân, các địa phương căn cứ vào sự hiểu biết về lĩnh vực văn hóa - xã hội của người học để lựa chọn các mạch nội dung, chủ đề cụ thể cho phù hợp với từng đối tượng người học, từng cộng đồng nhưng phải đảm bảo đúng các yêu cầu cần đạt và thời lượng đã được quy định tại chương trình.

- Đối với đồng bào dân tộc thiểu số, có thể lựa chọn các nội dung giáo dục: Các lễ hội truyền thống của dân tộc và địa phương, các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, các tín ngưỡng, tôn giáo, các phong tục tập quán của địa phương, ẩm thực các vùng miền, trang phục truyền thống, nạn tảo hôn, các tệ nạn xã hội, bình đẳng giới để tổ chức giảng dạy.

2. Hướng dẫn tổ chức dạy học

a) Phương pháp dạy học

- Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các chủ đề cần được tổ chức phù hợp với đối tượng người học và điều kiện thực tế. Khi tổ chức giảng dạy lĩnh vực giáo dục văn hóa - xã hội, giáo viên, báo cáo viên tăng cường sử dụng các phương pháp dạy cùng tham gia như: vấn đáp, thảo luận nhóm, đóng vai, chú trọng phương pháp nghiên cứu tình huống, phân tích và xử lý tình huống có tính thời sự về văn hóa - xã hội trong cuộc sống hằng ngày; liên hệ thực tế việc thực hiện những nội dung này tại các địa phương; tăng cường thực hành, phát triển năng lực người học được trải nghiệm thông qua các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức dạy học nhằm giúp người học được cập nhật thông tin thường xuyên.

b) Hình thức tổ chức

- Kết hợp các hình thức tổ chức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả; ngoài các hình thức tổ chức dạy học trên lớp, có thể tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về văn hóa - xã hội, thi tiểu phẩm với các chủ đề văn hóa - xã hội kết hợp với trải nghiệm thực tế.

- Tổ chức dạy học trên các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể tại địa phương.

c) Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học về các nội dung giáo dục văn hóa - xã hội nhằm động viên, khuyến khích người học, điều chỉnh nội dung và cách thức bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng cần thiết. Đánh giá kết quả học tập của học viên không chỉ nhằm mục đích kiểm tra việc ghi nhớ kiến thức, mà chủ yếu nhằm đánh giá về kỹ năng và sự thay đổi thái độ, hành vi của người học trong các tình huống thực tiễn.

- Trong một buổi học, giáo viên, báo cáo viên có thể kiểm tra, đánh giá kết quả của người học bằng nhiều hình thức như quan sát, phiếu trắc nghiệm, thông qua việc trả lời các câu hỏi liên quan đến thực tiễn cuộc sống, qua trò chơi.

- Sau mỗi một chủ đề, giáo viên, báo cáo viên kiểm tra đánh giá kết quả người học bằng bài kiểm tra trắc nghiệm, bài thu hoạch, tiểu phẩm. Kết quả đánh giá được xếp loại Đạt và Chưa đạt. Xếp loại Đạt nếu người học thực hiện được 50% yêu cầu cần đạt của chủ đề.

3. Các điều kiện đảm bảo chất lượng

a) Đội ngũ giáo viên

- Giáo viên, báo cáo viên giảng dạy các chủ đề về lĩnh vực giáo dục văn hóa - xã hội là những người có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu các lĩnh vực văn hóa - xã hội như: Công chức phụ trách văn hóa tại xã, công chức phòng văn hóa huyện, các giáo viên dạy môn ngữ văn, môn lịch sử, môn địa lý tại cơ sở giáo dục của địa phương.

- Yêu cầu của giáo viên, báo cáo viên giảng dạy lĩnh vực giáo dục văn hóa - xã hội phải có khả năng làm việc với cộng đồng, được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Chương trình Giáo dục văn hóa - xã hội.

b) Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Cơ sở vật chất: Đảm bảo cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội. Tùy vào quy mô và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục để đảm bảo bố trí phòng học cho phù hợp với nội dung của chủ đề và quy mô của lớp học.

- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, tivi, video, các bài giảng phục vụ cho việc dạy học.

- Tài liệu: các tài liệu đã được xuất bản; truyện tranh; tư liệu ảnh; báo, bản tin, tạp chí có liên quan đến những nội dung giáo dục văn hóa - xã hội.

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU

Chương trình Giáo dục bảo vệ môi trường là một lĩnh vực giáo dục của Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học cập nhật, bổ sung kiến thức về môi trường và những kỹ năng cần thiết góp phần nâng cao phẩm chất và năng lực nhận thức, tạo chuyên biến về hành động trong công tác bảo vệ môi trường, tham gia bảo vệ môi trường cùng gia đình, cộng đồng, quốc gia và toàn cầu nhằm đảm bảo duy trì chính sách thân thiện với môi trường, khai thác tài nguyên thiên nhiên hợp lý và có các chính sách về khai thác các nguồn năng lượng sạch gắn với tái tạo năng lượng, bảo vệ môi trường sinh thái.

1. Năng lực

- Nêu được một số kiến thức cơ bản, thiết thực về môi trường và bảo vệ môi trường giúp người học nhận biết được tính phức tạp, quan hệ nhiều mặt, nhiều chiều, tính hữu hạn của tài nguyên thiên nhiên và khả năng chịu tải của môi trường; quan hệ chặt chẽ giữa môi trường và phát triển bền vững; quan hệ giữa môi trường địa phương, môi trường quốc gia với môi trường toàn cầu.

- Biết được các quy định cơ bản, cần thiết về bảo vệ môi trường gắn trực tiếp với cuộc sống của người dân khi tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường sống của gia đình và cộng đồng.

- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học vào ứng xử với các vấn đề bảo vệ môi trường trong cộng đồng, sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và ứng xử thân thiện với môi trường để bảo vệ môi trường sống của gia đình, cộng đồng một cách bền vững.

2. Phẩm chất

- Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm với môi trường sống. Sống hòa hợp, thân thiện với thiên nhiên; Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường; Phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên, xâm hại đến môi trường; Tham gia tuyên truyền về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu; Vận động mọi người trong gia đình và cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường sống.

II. NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nội dung khái quát

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
CHỦ ĐỀ 1. VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	102	54	48
1. Môi trường, tài nguyên thiên nhiên và con người	12	6	6
2. Môi trường và phát triển bền vững	6	3	3
3. Biến đổi khí hậu	12	6	6
4. Suy giảm tầng ôzôn	6	4	2
5. Phòng chống thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai	9	5	4
6. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	12	6	6
7. Đô thị hóa và môi trường	6	3	3
8. Công nghiệp hóa và môi trường	6	3	3

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
9. Du lịch và vấn đề môi trường	6	3	3
10. Chất thải và vệ sinh môi trường	12	6	6
11. Sử dụng năng lượng sạch	9	6	3
12. Phát triển nông nghiệp thông minh	6	3	3
CHỦ ĐỀ 2. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM	78	42	36
13. Bảo vệ môi trường đất	15	6	9
14. Bảo vệ môi trường nước	15	6	9
15. Bảo vệ môi trường không khí	15	9	6
16. Bảo vệ tài nguyên rừng	9	5	4
17. Bảo vệ tài nguyên và môi trường biển	12	9	3
18. Bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học	12	7	5
Tổng số tiết	180	96	84

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt

Chương trình giáo dục bảo vệ môi trường gồm 2 chủ đề, mỗi chủ đề có nội dung và yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực như sau:

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHỦ ĐỀ 1. VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		
1. Môi trường, tài nguyên thiên nhiên và con người	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, đặc điểm của môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Trình bày được vai trò của môi trường, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển của xã hội loài người. - Phân tích được mối quan hệ tác động qua lại giữa con người và môi trường. Liên hệ được thực tế tại địa phương tác động của con người tới môi trường và ảnh hưởng của tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt, suy thoái và ô nhiễm môi trường tới cuộc sống và sản xuất con người. - Nêu được một số công ước quốc tế; chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Xác định được trách nhiệm của cá nhân trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Đề xuất và thực hiện được các giải pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên tại địa phương. - Tuyên truyền đến cộng đồng tại địa phương về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động của con người tới môi trường (tích cực, tiêu cực): Cuộc sống và sản xuất của con người tác động tới môi trường bao gồm: Gia tăng dân số; Đô thị hóa; Công nghiệp hóa; Phát triển nông nghiệp; Giao thông; Du lịch, du cư tự do (tùy vào mỗi địa phương, tác động của các vấn đề này sẽ khác nhau, cần xác định vấn đề chính để đề cập cụ thể vấn đề đó). - Ảnh hưởng của tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt và ô nhiễm môi trường tới cuộc sống và sản xuất của con người.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
2. Môi trường và phát triển bền vững	<ul style="list-style-type: none">- Trình bày được khái niệm và sự cần thiết của phát triển bền vững.- Trình bày được quan hệ giữa môi trường và phát triển bền vững; liên hệ thực tế địa phương.- Xác định được những biện pháp cơ bản để bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững ở địa phương.- Thực hiện và tuyên truyền được các biện pháp bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững.	
3. Biến đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none">- Trình bày được khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân của biến đổi khí hậu.- Trình bày được các tác động của biến đổi khí hậu. Liên hệ được thực tiễn tại địa phương.- Giải thích được tầm quan trọng và sự cấp bách của ứng phó với biến đổi khí hậu.- Trình bày được các giải pháp thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu.- Đề xuất và thực hiện được những giải pháp thiết thực thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương.	<p>- Theo Luật Khí tượng thủy văn năm 2015: Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của khí hậu trong một khoảng thời gian dài do tác động của các điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người, biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan.</p>

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm tuyên truyền đến người thân, cộng đồng thực hiện những giải pháp thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động của biến đổi khí hậu: Tăng nhiệt độ toàn cầu; mực nước biển dâng cao; thay đổi môi trường sống; sự gia tăng các bệnh tật; thiệt hại về kinh tế. - Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu: Giảm thiểu khí thải nhà kính; tăng cường sử dụng năng lượng xanh; tiết kiệm năng lượng và nước; bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái trồng rừng; giảm khí thải CO₂.
<p>4. Suy giảm tầng ôzôn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò quan trọng của tầng ôzôn tới đời sống sinh vật và con người. - Trình bày được những nguyên nhân chủ yếu và hậu quả suy giảm tầng ôzôn. - Lựa chọn và sử dụng được các thiết bị thân thiện không ảnh hưởng tới tầng ôzôn. - Tuyên truyền được đến người thân, cộng đồng không sử dụng các thiết bị làm suy giảm tầng ôzôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vai trò chính của tầng ozon là: <ul style="list-style-type: none"> + Bảo vệ, ngăn chặn các tia bức xạ xâm nhập đến bề mặt trái đất. + Tầng ozon đóng vai trò hấp thụ, phản xạ và truyền đi các bức xạ điện từ của mặt trời chiếu thẳng đến trái đất. + Giúp cho khí hậu, nhiệt độ trên trái đất được duy trì ổn định và ôn hòa.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
		+ Giúp đỡ con người nhiều trong các lĩnh vực khác nhau như: Nghiên cứu khoa học, thuốc sát khuẩn, thuốc tẩy, hóa chất độc hại, khử độc thuốc trừ sâu, xử lý và cải tạo các nguồn nước thải.
5. Phòng, chống thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên được những thiên tai thường xảy ra trong những năm gần đây. - Trình bày được những nguyên nhân và hậu quả của thiên tai. - Liên hệ thực tiễn tại địa phương về những thiên tai thường xảy ra và hậu quả. - Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai. - Xác định được trách nhiệm của cá nhân trong việc phòng, chống thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai. - Trình bày được biện pháp phòng, chống thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương và bản thân về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiên tai là những hiện tượng thiên nhiên cực đoan, là sự cố bất khả kháng và có những lúc nằm ngoài khả năng kiểm soát của con người như: Bão, lũ lụt, hạn hán, động đất, trượt đất, sụt lở đất, mưa axit, mưa đá, biến đổi khí hậu và thiên tai khác. - Nguyên nhân cơ bản là do các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người gây nên. - Hậu quả môi trường, hậu quả kinh tế - xã hội. - Cứu nạn, cứu hộ, phòng dịch bệnh và vệ sinh môi trường.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện và tuyên truyền cho người thân, cộng đồng cùng tham gia vào các hoạt động phòng, chống thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Luật Phòng, chống thiên tai.
6. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm, biểu hiện cơ bản của sự cố môi trường. - Nêu được những sự cố môi trường thường xảy ra. - Trình bày được những nguyên nhân và hậu quả cơ bản khi sự cố môi trường xảy ra. - Xác định được cách phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường. - Nêu được một số quy định của pháp luật về sự cố môi trường. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương về những sự cố môi trường thường xảy ra; cách phòng tránh và xử lý những sự cố đó. - Xác định được trách nhiệm của cá nhân trong việc phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường. - Thực hiện và tuyên truyền cho người thân, cộng đồng về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường. - Tích cực tham gia khắc phục hậu quả sau khi xảy ra sự cố môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỏa hoạn, cháy rừng, sự cố kỹ thuật gây nguy hại về môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh. - Theo Luật Bảo vệ môi trường 2020. - Sự cố trong tìm kiếm, thăm dò, khai thác và vận chuyển khoáng sản, dầu khí, sập hầm lò, phụt dầu, tràn dầu. - Sự cố trong lò phản ứng hạt nhân, nhà máy điện nguyên tử, nhà máy sản xuất, tái chế nhiên liệu hạt nhân, kho chứa chất phóng xạ.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
7. Đô thị hóa và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm cơ bản của quá trình đô thị hóa ở Việt Nam. - Nêu được ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa tới môi trường và biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình đô thị hóa. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương về ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa và biện pháp bảo vệ môi trường. - Thực hiện được một số biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình đô thị hóa. - Có ý thức tuyên truyền cho cộng đồng về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong quá trình đô thị hóa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động đến kinh tế, sức khỏe, văn hóa, giáo dục. - Phát triển đô thị nhưng thiếu cơ sở hạ tầng, phát triển khu công nghiệp không theo quy hoạch sẽ tác động xấu đến môi trường như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm không khí, nước, rác thải. - Ví dụ: Xây dựng nhà, khu thương mại, công nghiệp, không xây dựng cơ sở hạ tầng, hoặc phá rừng, lấp đất ngập nước để xây dựng.
8. Công nghiệp hóa và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, đặc điểm của công nghiệp hóa. - Nêu được tác động của công nghiệp hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường. - Nêu được biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa. - Liên hệ thực tiễn tại địa phương về tác động và biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo năng suất lao động cao, tăng thu nhập, cơ hội việc làm. - Ví dụ: Không xả nước thải độc hại ra sông, không làm ô nhiễm nước, không khí.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được một số biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa. - Tuyên truyền được cho cộng đồng về sự cần thiết của bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa. 	
9. Du lịch và vấn đề môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò của du lịch trong phát triển kinh tế. - Trình bày được một số yếu tố của phát triển du lịch tác động tới môi trường. - Nêu được một số quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường khi phát triển du lịch. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương về hoạt động bảo vệ môi trường khi phát triển du lịch. - Thực hiện được các biện pháp bảo vệ môi trường trong phát triển du lịch. - Tích cực tuyên truyền được cho mọi người bảo vệ môi trường du lịch. 	
10. Chất thải và vệ sinh môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các loại chất thải. Liên hệ thực tế về chất thải tại địa phương. - Nêu được tác hại của việc xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu ngày 24/4/2015 của Chính phủ. + Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác sinh hoạt) là chất thải

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được một số quy định của pháp luật về quản lý chất thải phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý. - Nêu được trách nhiệm của cá nhân trong việc ngăn ngừa và xử lý chất thải. - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch xử lý chất thải tại gia đình, địa phương. - Tích cực tuyên truyền đến người thân và cộng đồng về phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải, hạn chế phát sinh rác thải nhựa ra môi trường. - Thực hiện được các dự án bảo vệ môi trường sống ở địa phương, tuyên truyền nâng cao trách nhiệm cộng đồng trong việc phân loại rác thải tại nguồn. 	<p>rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.</p> <p>+ Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý thành các nhóm như sau:</p> <p>+ Nhóm hữu cơ dễ phân hủy/ chất thải thực phẩm (nhóm thức ăn thừa, lá cây, rau, củ, quả, xác động vật);</p> <p>+ Nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế (nhóm giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh);</p> <p>- Luật Bảo vệ môi trường 2020.</p>
11. Sử dụng năng lượng sạch	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được tên các dạng năng lượng cơ bản và các loại năng lượng sạch. - Trình bày được vai trò của năng lượng đối với cuộc sống và lợi ích của việc sử dụng năng lượng sạch. - Trình bày được thực trạng khai thác và sử dụng năng lượng sạch trong sản xuất và trong sinh hoạt. 	<p>- Năng lượng sạch là các nguồn năng lượng không gây ô nhiễm môi trường. Chúng thường có sẵn trong tự nhiên hoặc là các chế phẩm của các sản phẩm thiên nhiên, bao gồm: năng</p>

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được biện pháp sử dụng năng lượng sạch hiệu quả. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương và bản thân về việc sử dụng năng lượng sạch. - Thực hiện và tuyên truyền, vận động được cho cộng đồng sử dụng tiết kiệm năng lượng sạch trong sản xuất và sinh hoạt. 	<p>lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng địa nhiệt, năng lượng thủy điện, năng lượng sóng, năng lượng sinh khối...</p> <p>- Hiện nay, các dạng năng lượng khai thác được chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt; còn sử dụng lãng phí.</p> <p>- Tiết kiệm năng lượng, sử dụng các loại thiết bị tiết kiệm điện năng, năng lượng sạch.</p>
12. Phát triển nông nghiệp thông minh	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm, vai trò, đặc điểm của nông nghiệp thông minh. - Trình bày được một số mô hình phát triển nông nghiệp thông minh ở Việt Nam. - Nêu được điều kiện để phát triển nông nghiệp thông minh và áp dụng vào thực tế tại địa phương. 	<p>- Nông nghiệp thông minh là hoạt động sản xuất nông nghiệp áp dụng công nghệ cao (cơ giới hóa, tự động hóa,...); công nghệ sản xuất và bảo quản sản phẩm an toàn (phương pháp hữu cơ, theo GAP,...); công nghệ quản lý, nhận diện sản phẩm theo chuỗi</p>

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
		giá trị,... gắn với hệ thống trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin để tối ưu hóa quy trình sản xuất.
CHỦ ĐỀ 2. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM		
13. Bảo vệ môi trường đất		
13.1. Sử dụng tài nguyên đất	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò của tài nguyên đất đối với cuộc sống con người. - Trình bày được thực trạng sử dụng tài nguyên đất hiện nay. - Trình bày được biện pháp sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên đất để phát triển bền vững. - Nêu được một số quy định pháp luật về sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên đất. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương về thực trạng và biện pháp sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên đất để phát triển bền vững. - Xác định được trách nhiệm của cá nhân trong việc sử dụng bền vững tài nguyên đất. - Thực hiện được các biện pháp sử dụng có hiệu quả và bền vững tài nguyên đất. - Tuyên truyền được đến người thân, cộng đồng về việc sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên đất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 - Hiện trạng sử dụng đất: Đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng. - Sử dụng đất đúng mục đích, khai thác đi đôi với tái phục hồi, cải tạo đất. - Tùy thuộc vào hiện trạng sử dụng đất của địa phương để tập trung hơn vào biện pháp phù hợp.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
13.2. Phòng ngừa suy thoái và ô nhiễm môi trường đất	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được hiện tượng suy thoái và ô nhiễm đất ở Việt Nam. - Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của ô nhiễm và suy thoái đất. - Trình bày được các biện pháp phòng ngừa suy thoái và ô nhiễm môi trường đất. - Nêu được một số quy định pháp luật về phòng ngừa suy thoái và ô nhiễm môi trường đất. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương về hiện tượng, nguyên nhân, hậu quả và biện pháp phòng ngừa suy thoái và ô nhiễm môi trường đất. - Xác định được trách nhiệm của cá nhân trong việc bảo vệ tài nguyên đất. - Thực hiện được các biện pháp phòng ngừa suy thoái và ô nhiễm môi trường đất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng: Xói mòn, rửa trôi, bạc màu, nhiễm mặn, nhiễm phèn, bị ô nhiễm, hoang mạc hóa. - Nguyên nhân: Chủ yếu do hoạt động của con người như khai thác khoáng sản, công nghiệp, nông nghiệp, làng nghề, phá rừng, canh tác không bền vững. - Tùy nhu cầu của từng địa phương để tập trung hơn vào các vấn đề như: đất nhiễm mặn, nhiễm phèn, hoang mạc hóa, ô nhiễm đất.
13.3. Đất ngập nước và sử dụng bền vững đất ngập nước	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các loại đất ngập nước và một số đặc điểm của các dạng đất ngập nước ở Việt Nam. - Trình bày được tầm quan trọng của vùng đất ngập nước đối với hệ sinh thái. - Trình bày được một số nguyên nhân làm suy thoái, biến mất của các vùng đất ngập nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đất ngập nước nội địa và đất ngập nước ven biển. + Đất ngập nước nội địa có mặt ở cả 3 miền và các vùng sinh thái, đa dạng về kiểu loại, hình thái, tài nguyên, chức năng và

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn lợi đất ngập nước. - Thực hiện được một số biện pháp để khai thác hợp lý và tái tạo nguồn lợi đảm bảo sự bền vững của vùng đất ngập nước. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương về thực trạng và sử dụng bền vững đất ngập nước. - Xác định được trách nhiệm của cá nhân trong việc bảo vệ và sử dụng bền vững đất ngập nước. - Tuyên truyền được cho người thân, cộng đồng thực hiện việc bảo vệ và sử dụng bền vững đất ngập nước. 	<p>giá trị đa dạng sinh học, như: châu thổ ngập nước thường xuyên; sông suối chảy thường xuyên, tạm thời; đầm nuôi trồng thủy sản.</p> <p>+ Đất ngập nước ven biển gồm đất ngập nước cửa sông, bãi triều, đầm phá và vùng nước biển có độ sâu 6 m khi triều kiệt, ví dụ như hệ sinh thái rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển.</p> <p>- Vai trò đối với sản xuất nông nghiệp và thủy sản, lọc nước thải, điều hoà dòng chảy, điều hoà khí hậu địa phương, chống xói lở bờ biển, ổn định mức nước ngầm cho những vùng sản xuất nông nghiệp, tích lũy nước ngầm, là nơi trú chân của nhiều loài chim di cư quý hiếm, là nơi giải trí, du lịch.</p>

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
14. Bảo vệ môi trường nước		
14.1. Những vấn đề chung về bảo vệ môi trường nước	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tầm quan trọng của nước đối với cuộc sống. - Nêu được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của ô nhiễm môi trường nước. - Trình bày được một số giải pháp cơ bản để bảo vệ môi trường nước. - Trình bày được những biện pháp sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước trong sản xuất và sinh hoạt. - Kể được một số quy định pháp luật về bảo vệ tài nguyên nước. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương. - Xác định được trách nhiệm của cá nhân đối với việc bảo vệ tài nguyên nước. - Thực hiện được các hoạt động thiết thực bảo vệ môi trường nước. - Tuyên truyền được đến người thân, cộng đồng bảo vệ môi trường nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được thực trạng về nguồn nước của Việt Nam. Đặc biệt là các vấn đề: + Nhu cầu sử dụng nước trong sinh hoạt và trong sản xuất ngày càng tăng; + Tình trạng thiếu nước vào mùa cạn, thừa nước mùa mưa, ngập lụt. + Tình trạng cạn kiệt nguồn nước ngầm, ô nhiễm nước mặt đang xảy ra ở các khu đô thị, đồng bằng; - Các giải pháp bảo vệ nguồn nước, liên hệ với thực tế ở địa phương (trong đó, chú trọng vào vai trò, trách nhiệm của người dân và vấn đề thực thi pháp luật).

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
14.2. Bảo vệ môi trường nước mặt, nước dưới đất, nước biển	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các môi trường nước mặt, nước dưới đất, nước biển. - Trình bày được nội dung bảo vệ môi trường nước mặt, nước dưới đất, nước biển. - Nêu được trách nhiệm của các tập thể, cá nhân đối với việc bảo vệ các môi trường nước mặt, nước dưới đất, nước biển. - Trình bày được các biện pháp cải tạo chất lượng môi trường nước mặt, nước dưới đất, nước biển. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương. - Liên hệ được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ các môi trường nước. 	
14.3. Xử lý nước sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tác hại của việc sử dụng nước bị ô nhiễm đối với sức khỏe con người. - Phân biệt được biểu hiện của nước sạch, nước nhiễm bẩn, nhiễm mặn, nhiễm phèn. - Thực hiện được một số cách xử lý nước (nhiễm bẩn, nhiễm mặn, nhiễm phèn) đơn giản để có nước sạch phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày. - Có ý thức tuyên truyền, phổ biến để mọi người trong gia đình và cộng đồng có thể thực hiện một số cách xử lý nước sinh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nước sạch là nước đáp ứng tiêu chuẩn nước sạch của tiêu chuẩn Việt Nam. - Nhận biết nước sạch bằng cảm quan chỉ là cách sơ khai, chưa thể khẳng định được hoàn toàn là nước sạch. - Một số cách lọc nước nhiễm bẩn, nhiễm asen như: dùng phèn, dùng bể lọc cát.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
14.4. Xử lý nước thải	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được thực trạng và nguyên nhân của nước thải ở địa phương (nước thải từ sinh hoạt, sản xuất, từ các làng nghề). - Trình bày được tác hại của nước thải đối với môi trường. - Nêu được một số biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường do nước thải gây nên. - Thực hiện được một số cách xử lý và hạn chế nước thải gây ô nhiễm. - Tích cực tham gia và vận động mọi người cùng nhau xử lý và hạn chế nước thải gây ô nhiễm môi trường. 	<p>Tùy vào từng địa phương nước thải có nguồn phát sinh như thế nào để tập trung hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình; - Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (làng nghề, chăn nuôi, sản xuất công nghiệp).
15. Bảo vệ môi trường không khí		
15.1. Những vấn đề chung về bảo vệ môi trường không khí	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò của không khí đối với sự sống. - Trình bày được thực trạng và nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí. - Nêu được tác hại của không khí bị ô nhiễm đối với sức khỏe con người. - Trình bày được một số giải pháp bảo vệ môi trường không khí. - Nêu được một số quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường không khí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không khí là một hỗn hợp nhiều chất khí. Thành phần theo thể tích của không khí là: 78% khí nitơ, 21% khí ôxi, 1% các khí khác (khí cacbonic, hơi nước, khí hiếm). - Ô nhiễm không khí là sự có mặt của các chất lạ hoặc sự biến đổi quan trọng trong thành phần

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được trách nhiệm của cá nhân trong việc bảo vệ môi trường không khí. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương và bản thân trong việc bảo vệ môi trường không khí. - Thực hiện và tuyên truyền được đến người thân và cộng đồng bảo vệ môi trường không khí. 	<p>không khí làm cho nó không sạch, có mùi khó chịu, bụi làm giảm tầm nhìn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao thông, chất thải sản xuất công, nông nghiệp, sinh hoạt của người dân, tiếng ồn. - Các dịch bệnh bị phát sinh và lây truyền qua không khí. - Sử dụng năng lượng sạch, không hút thuốc lá, sử dụng giao thông công cộng.
15.2. Ô nhiễm không khí ở các khu đô thị/ khu công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được thực trạng môi trường không khí ở các khu đô thị/khu công nghiệp. - Giải thích được nguyên nhân gây ô nhiễm không khí ở các khu đô thị/công nghiệp. - Trình bày được một số giải pháp chống ô nhiễm nguồn không khí ở các khu đô thị/công nghiệp. - Nêu được một số quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường không khí ở các khu đô thị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực trạng ô nhiễm môi trường không khí khu đô thị/công nghiệp, các yếu tố làm ô nhiễm không khí (hoạt động giao thông, sản xuất công nghiệp, chất thải trong sinh hoạt), những ảnh hưởng đối với sức khỏe con người.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương. - Xác định được trách nhiệm của cá nhân trong việc hạn chế gây ô nhiễm môi trường không khí đô thị/công nghiệp. - Tích cực tuyên truyền thực hiện chống ô nhiễm không khí tại các khu đô thị/công nghiệp cho người thân trong gia đình. - Tích cực tham gia bảo vệ môi trường không khí khu đô thị/khu công nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch, sử dụng phương tiện giao thông công cộng.
15.3. Ô nhiễm không khí ở các làng nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được thực trạng và nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí ở các làng nghề. - Trình bày được một số giải pháp phòng chống ô nhiễm không khí ở làng nghề. - Liệt kê được những quy định của pháp luật về phòng chống và xử lý các hành vi gây ô nhiễm không khí làng nghề. - Xác định được trách nhiệm của cá nhân trong việc phòng chống ô nhiễm không khí làng nghề. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương và bản thân về tình trạng ô nhiễm không khí ở các làng nghề. - Có trách nhiệm tuyên truyền để mọi người trong gia đình và cộng đồng thực hiện phòng chống ô nhiễm không khí làng nghề. 	<ul style="list-style-type: none"> - Do các chất thải trong sản xuất làng nghề (lò gạch thủ công, không có hệ thống xử lý chất thải). - Đặc biệt lưu ý các làng nghề thủ công như sản xuất bún, miến, giết mổ gia cầm, sơn mài, giấy, mây tre đan.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
16. Bảo vệ tài nguyên rừng	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò của các loại rừng (rừng phòng hộ đầu nguồn/rừng phòng hộ ven biển/rừng ngập mặn/rừng sản xuất) đối với cuộc sống con người. - Trình bày được hiện trạng rừng Việt Nam. - Trình bày được thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của suy thoái tài nguyên rừng. - Trình bày được giải pháp bảo vệ và phát triển rừng. - Nêu được một số quy định pháp luật bảo vệ và phát triển rừng. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương. - Xác định được trách nhiệm của các nhân trong việc bảo vệ và phát triển rừng. - Thực hiện được các giải pháp bảo vệ và phát triển rừng. - Có trách nhiệm tuyên truyền, vận động người thân, cộng đồng tham gia bảo vệ và phát triển rừng, cây xanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung vào phân tích những loại rừng như: rừng phòng hộ đầu nguồn/rừng phòng hộ ven biển/rừng ngập mặn/rừng sản xuất. - Hiện trạng rừng: tổng diện tích có rừng (trong đó: rừng tự nhiên, rừng trồng), tỷ lệ che phủ rừng.
17. Bảo vệ tài nguyên và môi trường biển		
17.1. Phòng, chống suy thoái và ô nhiễm môi trường biển	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vị trí, vai trò của biển đối với phát triển kinh tế và cuộc sống của con người - Nêu được thực trạng, nguyên nhân và hậu quả suy thoái và ô nhiễm môi trường biển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguyên nhân chủ yếu gây ảnh hưởng đến suy thoái tài nguyên biển như: khai thác; ô nhiễm do con người; chất thải; biến đổi khí hậu.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những giải pháp chống suy thoái và ô nhiễm môi trường biển hiện nay. - Nêu được một số quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên biển. Liên hệ thực tiễn tại địa phương. - Xác định được trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc bảo vệ môi trường biển. - Thực hiện và tuyên truyền được cho người thân, cộng đồng có những hành động thiết thực bảo vệ môi trường biển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không xả chất thải, rác, làm tràn dầu ra biển; không đánh bắt sinh vật biển bằng mìn, xung điện.
17.2. Phát triển và bảo tồn đa dạng sinh học biển	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được sự đa dạng sinh học biển, ven biển. - Trình bày được thực trạng, nguyên nhân và hậu quả suy giảm đa dạng sinh học biển, ven biển. - Nêu được những giải pháp hạn chế suy giảm đa dạng sinh học biển, ven biển. - Nêu được một số quy định pháp luật về bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học biển. Liên hệ thực tiễn tại địa phương. - Xác định được trách nhiệm của cá nhân trong việc bảo vệ đa dạng sinh học biển. - Có trách nhiệm tuyên truyền để mọi người trong gia đình và cộng đồng thực hiện bảo vệ đa dạng sinh học biển. - Thực hiện được các hoạt động bảo vệ đa dạng sinh học biển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số điều luật bảo toàn và phát triển đa dạng sinh học biển trong Luật đa dạng sinh học 2018. - Không đánh bắt, ăn thịt những loài sinh vật biển quý hiếm, khai thác bền vững.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
18. Bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học		
18.1. Bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đặc điểm của đa dạng sinh học. - Trình bày được giá trị đa dạng sinh học đối với cuộc sống. - Trình bày được thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của suy giảm đa dạng sinh học. - Nêu được một số quy định pháp luật về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học. - Xác định được trách nhiệm của cá nhân đối với việc bảo vệ đa dạng sinh học. - Trình bày được biện pháp bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương và bản thân. - Thực hiện được các biện pháp bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học. - Có ý thức trách nhiệm tuyên truyền được cho người thân, cộng đồng về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học. 	- Theo Luật Đa dạng sinh học 2018
18.2. Bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật nguy	- Trình bày được thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của việc khai thác động vật, thực vật quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Luật Đa dạng sinh học 2018 - Nghị định số 84/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 06/2019/NĐ-CP

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất được một số biện pháp bảo tồn và phát triển bền vững động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. - Nêu được một số quy định của pháp luật về bảo vệ động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. - Xác định được trách nhiệm của các nhân trong việc bảo vệ động vật, thực vật quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng. - Liên hệ được thực tiễn tại địa phương và bản thân. - Thực hiện được các biện pháp bảo tồn và phát triển bền vững động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. - Có trách nhiệm tuyên truyền, huy động mọi người cùng tham gia bảo tồn và phát triển bền vững các loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. 	<p>về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.</p> <p><i>- Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ</i> là loài hoang dã, giống cây trồng, giống vật nuôi, vi sinh vật và nấm đặc hữu, có giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế, sinh thái, cảnh quan, môi trường hoặc văn hóa - lịch sử mà số lượng còn ít hoặc bị đe dọa tuyệt chủng.</p>
18.3. Phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được chức năng và lợi ích của hệ thống các khu bảo tồn và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. - Trình bày được các hoạt động của khu bảo tồn và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. - Kể tên được một số khu bảo tồn thiên nhiên và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam và tại địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khu bảo tồn thiên nhiên: Vườn quốc gia; Khu dự trữ thiên nhiên; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh; Khu bảo vệ cảnh quan. - Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học: cơ sở nuôi, trồng các loài

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số quy định pháp luật về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. - Có trách nhiệm tham gia và tuyên truyền cộng đồng tham gia vào quy hoạch và quản lý khu bảo tồn thiên nhiên và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. - Có ý thức giữ gìn và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên khi đi tham quan, nghiên cứu. 	thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; cơ sở lưu trú loài hoang dã; cơ sở lưu giữ giống cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật hoặc nấm đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời lượng

- Chương trình Giáo dục bảo vệ môi trường có tổng thời lượng là 180 tiết (60 buổi; mỗi buổi 3 tiết), trong đó, 96 tiết lý thuyết và 84 tiết thực hành, chương trình không quy định cụ thể số buổi/tuần, tháng, năm mà chỉ quy định số tiết cụ thể dự kiến cho từng nội dung/chủ đề. Mỗi nội dung của chủ đề được bố trí thời lượng từ 3 tiết đến 15 tiết.

- Về xây dựng kế hoạch dạy học, các địa phương căn cứ nhu cầu, trình độ hiểu biết của người học, đặc điểm địa lý và các vấn đề về ô nhiễm môi trường sống của người dân trong cộng đồng để bố trí thời lượng và nội dung dạy học của từng nội dung/chủ đề cho phù hợp. Hàng năm, các địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục bảo vệ môi trường với thời lượng tối thiểu là 30 tiết trở lên.

- Nội dung Giáo dục bảo vệ môi trường được thiết kế linh hoạt, mềm dẻo. Khi tổ chức thực hiện cho người dân, các địa phương căn cứ vào thực trạng về các vấn đề môi trường ở địa phương để lựa chọn các chủ đề và nội dung cụ thể cho phù hợp với từng cộng đồng nhưng phải đảm bảo đúng các yêu cầu cần đạt và thời lượng đã được quy định tại chương trình.

2. Hướng dẫn tổ chức dạy học

a) Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Tổ chức hướng dẫn dạy học các chủ đề, nội dung về giáo dục bảo vệ môi trường, giáo viên, báo cáo viên sử dụng phương pháp dạy học cùng tham gia: đóng vai, nghiên cứu tình huống, sự cố môi trường cụ thể trong thực tế của địa phương. Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để người học tự khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn; tăng cường sử dụng các video, hình ảnh có thông tin về thực trạng ô nhiễm môi trường, các tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống để người học có thể phân tích, đối chiếu làm tăng tính hấp dẫn của các bài học đạt hiệu quả, phát triển phẩm chất và năng lực bảo vệ môi trường của người công dân.

b) Hình thức tổ chức dạy học

- Các hình thức tổ chức đa dạng, linh hoạt: Có thể tổ chức tập trung tại hội trường của Ủy ban nhân dân xã, các nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng; thông qua các chiến dịch truyền thông đại chúng, các phương tiện truyền thông: Đài truyền hình địa phương, đài phát thanh xã để phổ biến các chính sách, pháp luật về môi trường, thực hiện các dự án bảo vệ môi trường sống tại địa phương (bảo vệ nguồn nước sinh hoạt; thu gom rác thải sinh hoạt nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường sống, phát động phong trào trồng cây, giữ vệ sinh đường phố sạch đẹp để bảo vệ môi trường sống của cộng đồng dân cư), tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về bảo vệ môi trường, thi tiểu phẩm với các chủ đề môi trường, khuyến khích người dân sáng tác, viết, vẽ, tìm hiểu pháp luật về môi trường, các cuộc vận động quần chúng tham gia bảo vệ môi trường. Lồng ghép giáo dục môi trường trong các chương trình sinh hoạt của Đảng bộ và chính quyền địa phương; Tổ chức và duy trì các phong trào bảo vệ môi trường thiết thực gắn với lợi ích cộng đồng.

b) Đánh giá kết quả học tập

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học đối với các chủ đề thuộc lĩnh vực giáo dục bảo vệ môi trường nhằm động viên, khuyến khích người học, điều chỉnh nội dung và cách thức bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng cần thiết; giúp hướng dẫn viên tổ chức trong quá trình thực hiện.

- Đánh giá kết quả học tập của người học nên căn cứ vào yêu cầu cần đạt quy định. Việc kiểm tra, đánh giá không chỉ kiểm tra việc ghi nhớ kiến thức về bảo vệ môi trường, mà chủ yếu nhằm đánh giá việc vận dụng kiến thức môi trường đã học vào thực tiễn, giúp người học trong cộng đồng nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ và thực hiện bảo vệ môi trường.

- Sau khi học xong một chủ đề, giáo viên, báo cáo viên có thể kiểm tra, đánh giá người học bằng các phiếu trắc nghiệm, bài thu hoạch hoặc kế hoạch hành động và kết quả thực tế vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn bảo vệ môi trường trong cuộc sống và sản xuất của bản thân và gia đình người học.

- Bài kiểm tra được đánh giá theo hình thức Đạt và Chưa đạt. Xếp loại Đạt nếu người học thực hiện được 50% yêu cầu cần đạt của chủ đề.

3. Điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

- Giáo viên, báo cáo viên giảng dạy các nội dung về lĩnh vực môi trường là người có trình độ chuyên môn phù hợp với chủ đề, tốt nghiệp cao đẳng trở lên làm việc trong các lĩnh vực môi trường, có kinh nghiệm trong các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, như: Giáo viên dạy môn Địa lý, Sinh học tại các cơ sở giáo dục; công chức tại phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các chuyên gia, tình nguyện viên hoạt động trong các tổ chức, đơn vị, các dự án về bảo vệ môi trường.

- Cơ sở vật chất: Có thể tổ chức lớp học tại nhiều địa điểm như trong hội trường của Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa cộng đồng sao cho phù hợp với nội dung của chủ đề và quy mô của lớp học.

- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, ti vi, video, các bài giảng phục vụ cho việc dạy học.

- Tài liệu: Bao gồm những tài liệu của lĩnh vực bảo vệ môi trường đã được biên soạn và phát hành; các video; tư liệu ảnh; bản tin, tạp chí, tờ gấp có nội dung về môi trường.

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC BẢO VỆ SỨC KHỎE

I. MỤC TIÊU

Chương trình Giáo dục bảo vệ sức khỏe là một lĩnh vực của Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết để góp phần tăng cường và phát triển năng lực bảo vệ sức khỏe, phòng ngừa một số bệnh thông thường cho bản thân, gia đình và cộng đồng, góp phần bảo vệ sức khỏe của cá nhân và phát triển cộng đồng bền vững.

1. Năng lực

- Nêu được tầm quan trọng của sức khỏe đối với cuộc sống con người và sự phát triển bền vững của quốc gia, cộng đồng; trách nhiệm của cá nhân đối với việc bảo vệ sức khỏe.

- Biết được số kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết về dinh dưỡng, cách phòng, tránh một số bệnh thường gặp để giúp mọi người tự chăm sóc, bảo vệ sức khỏe phòng tránh một số bệnh thường gặp tại địa phương cho bản thân, gia đình và cộng đồng để nâng cao chất lượng cuộc sống của mình.

- Vận dụng những kiến thức, kỹ năng về dinh dưỡng, phòng tránh một số bệnh thường gặp để giúp mọi người tự chăm sóc bản thân và có các biện pháp giữ gìn sức khỏe, phòng chống bệnh tật, bệnh dịch cho bản thân, gia đình và cộng đồng một cách bền vững.

2. Phẩm chất

- Có ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, tuân thủ các nguyên tắc trong phòng chống dịch bệnh, sử dụng thực phẩm an toàn vệ sinh; không đồng tình, phản đối, phê phán những hành vi làm lây lan dịch bệnh; có thái độ chủ động hợp tác trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của bản thân và gia đình.

- Có ý thức vận dụng những kiến thức về sức khỏe được học vào cuộc sống và vận động người khác cùng thực hiện.

- Có trách nhiệm phổ biến, vận động mọi người trong gia đình và cộng đồng chấp hành đúng các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm, về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe.

- Có ý thức hưởng ứng và tích cực tham gia vào các chiến dịch phòng chống dịch bệnh ở cộng đồng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nội dung khái quát

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
CHỦ ĐỀ 1. GIÁO DỤC SỨC KHỎE	15	13	2
1. Giáo dục sức khỏe	3	3	
2. Vai trò và ý nghĩa của việc giáo dục sức khỏe	3	3	
3. Nhiệm vụ của giáo dục sức khỏe	3	3	
4. Tư vấn sức khỏe	3	2	1
5. Bảo hiểm y tế	3	2	1
CHỦ ĐỀ 2. VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DINH DƯỠNG	15	10	5
6. Vai trò dinh dưỡng đối với sức khỏe	3	2	1
7. Vai trò Vitamin và các vi chất đối với sức khỏe con người	3	2	1
8. Cách chế biến bữa ăn đơn giản, đủ chất, theo mùa	3	2	1

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
9. Một số kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm	3	2	1
10. Chăm sóc dinh dưỡng trẻ em	3	2	1
CHỦ ĐỀ 3. VẤN ĐỀ CHUNG VỀ SỨC KHỎE	30	20	10
11. Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	2	1
12. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai và cho con bú	3	2	1
13. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	3	2	1
14. Chăm sóc sức khỏe tinh thần	3	2	1
15. Ảnh hưởng của môi trường đối với sức khỏe	3	2	1
16. Một số bài thuốc dân gian.	3	2	1
17. Sử dụng tủ thuốc an toàn tại gia đình	3	2	1
18. Thể dục thể thao đối với sức khỏe con người	3	2	1
19. Giấc ngủ và sức khỏe	3	2	1
20. Phương pháp giải tỏa mệt mỏi, căng thẳng	3	2	1

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
CHỦ ĐỀ 4. PHÒNG VÀ XỬ TRÍ BAN ĐẦU MỘT SỐ TAI NẠN THƯƠNG TÍCH THƯỜNG GẶP TẠI CỘNG ĐỒNG	24	16	8
21. Phòng tránh tai nạn thương tích thường gặp cho trẻ em (<i>Tai nạn do ngạt thở - hóc đường thở; tai nạn do ngộ độc; tai nạn do té ngã; tai nạn do động vật cắn, húc; tai nạn do điện giật, sét đánh</i>)	9	6	3
22. Phòng chống nhiễm độc thuốc trừ sâu	3	2	1
23. Phòng tránh tai nạn bỏng	3	2	1
24. Phòng tránh đuối nước	3	2	1
25. Phòng tránh tai nạn lao động	3	2	1
26. Phòng tránh tai nạn giao thông	3	2	1
CHỦ ĐỀ 5. PHÒNG CHỐNG MỘT SỐ BỆNH LÂY NHIỄM THƯỜNG GẶP	57	37	20
Nhóm lây bệnh qua đường hô hấp	21	14	7
27. Bệnh cúm	6	4	2
28. Bệnh lao	3	2	1

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
29. Bệnh sởi	3	2	1
30. Bệnh ho gà	3	2	1
31. Bệnh bạch hầu	3	2	1
32. Bệnh đậu mùa	3	2	1
Nhóm bệnh lây qua da và niêm mạc	6	4	2
33. Các bệnh về mắt	3	2	1
34. Bệnh tay chân miệng trẻ em	3	2	1
Nhóm bệnh lây truyền qua ký sinh trùng	15	10	5
35. Bệnh sốt xuất huyết	3	2	1
36. Bệnh dại	3	2	1
37. Bệnh Viêm não Nhật Bản	3	2	1
38. Bệnh sốt rét	3	2	1
39. Bệnh giun	3	2	1
Nhóm bệnh lây qua đường máu và tình dục	12	7	5
40. Bệnh Viêm gan A, B, C	6	3	3

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
41. Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS)	3	2	1
42. Bệnh lây truyền qua đường tình dục	3	2	1
Nhóm bệnh lây qua đường tiêu hóa	3	2	1
43. Bệnh tiêu chảy cấp	3	2	1
CHỦ ĐỀ 6. PHÒNG CHỐNG MỘT SỐ BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM THƯỜNG GẶP	42	24	16
44. Bệnh tim mạch	3	2	1
45. Bệnh huyết áp	3	2	1
46. Bệnh tai biến mạch máu não	3	2	1
47. Bệnh viêm đường hô hấp cấp tính và viêm phổi tắc nghẽn	3	2	1
48. Bệnh về thận và đường tiết niệu	3	2	1
49. Bệnh đái tháo đường	3	2	1
50. Các bệnh ung thư phổ biến ở Việt Nam: Ung thư gan, ung thư phổi, ung thư máu, ung thư dạ dày, ung thư trực tràng, ung thư tuyến tụy, ung thư xương, ung thư vú, ung thư cổ tử cung.	15	6	9

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
51. Bệnh béo phì ở trẻ em	3	2	1
52. Bệnh suy dinh dưỡng trẻ em	3	2	1
53. Rối loạn sức khỏe tâm thần	3	2	1
CHỦ ĐỀ 7. PHÒNG CHỐNG MỘT SỐ BỆNH KHÁC	27	18	9
54. Các bệnh về tai - mũi - họng	6	4	2
55. Bệnh răng - miệng	3	2	1
56. Bệnh viêm khớp	3	2	1
57. Bệnh loãng xương	3	2	1
58. Bệnh bướu cổ	3	2	1
59. Các bệnh về da thường gặp (hắc bào, chàm, chốc, viêm da, nấm da, dị ứng..)	6	4	2
60. Phòng ngừa sử dụng thuốc lá, rượu bia và đồ uống có cồn trong cộng đồng	3	2	1
Tổng số tiết	210	138	72

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt

Chương trình giáo dục bảo vệ sức khỏe gồm 7 chủ đề, mỗi chủ đề có nội dung, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực như sau:

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHỦ ĐỀ 1. GIÁO DỤC SỨC KHỎE		
1. Giáo dục sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm sức khỏe, giáo dục sức khỏe. - Phân biệt được sự khác nhau giữa sức khỏe và giáo dục sức khỏe. - Nêu được mục đích của việc giáo dục sức khỏe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo định nghĩa của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO): “Sức khỏe là trạng thái thoải mái toàn diện về thể chất, tinh thần và xã hội và không chỉ bao gồm tình trạng không có bệnh hay thương tật”. - Giáo dục sức khỏe là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch đến suy nghĩ và tình cảm của con người, nhằm nâng cao kiến thức, thay đổi thái độ và thực hành các hành vi lành mạnh để bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
2. Vai trò và ý nghĩa của việc giáo dục sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò, ý nghĩa và tác động của việc giáo dục sức khỏe đối với cá nhân và xã hội. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được hậu quả của việc người dân không có kiến thức hiểu biết về lĩnh vực sức khỏe. - Phân biệt được hành vi không có lợi và có lợi cho sức khỏe. 	
3. Nhiệm vụ của giáo dục sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các nhiệm vụ, yêu cầu của việc giáo dục sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng. - Liên hệ được thực tiễn ở địa phương về thực trạng giáo dục sức khỏe tại cộng đồng. 	
4. Tư vấn sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm tư vấn sức khỏe; - Nêu được mục đích của việc tư vấn sức khỏe và vai trò, ý nghĩa của việc tư vấn sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng. - Có ý thức tham gia và khuyến khích các thành viên trong gia đình tham gia tư vấn sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ. - Trình bày được nguyên tắc và các bước thực hiện quy trình tư vấn sức khỏe. 	
5. Bảo hiểm y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về bảo hiểm y tế. Kể tên những loại hình tham gia bảo hiểm y tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm bắt buộc được áp dụng đối

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế tại Việt Nam. - Nêu được nghĩa vụ và trách nhiệm của người tham gia bảo hiểm y tế tại Việt Nam - Nêu được đối tượng tham gia bảo hiểm y tế; Các mức đóng bảo hiểm y tế của mỗi nhóm. Các mức hưởng bảo hiểm y tế. - Liên hệ thực tế việc tham gia bảo hiểm y tế của người dân tại các địa phương hiện nay. - Có trách nhiệm tham gia đóng bảo hiểm y tế; vận động người thân trong gia đình và cộng đồng tham gia mua bảo hiểm y tế. 	<p>với các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận do Nhà nước tổ chức thực hiện. Chế độ này được thực hiện dựa trên các nguyên tắc bảo đảm chia sẻ rủi ro giữa những người tham gia bảo hiểm y tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo hiểm y tế có hai loại hình là bắt buộc và tự nguyện. + Bảo hiểm y tế bắt buộc là hình thức bảo hiểm do Nhà nước tổ chức và quản lý, áp dụng đối với các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế. + Bảo hiểm y tế tự nguyện là hình thức bảo hiểm do các công ty bảo hiểm tư nhân cung cấp, áp dụng đối với những người không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHỦ ĐỀ 2. VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DINH DƯỠNG		
6. Vai trò dinh dưỡng đối với sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm về dinh dưỡng và tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sức khỏe con người. - Phân tích được tác dụng của việc ăn uống đủ chất và điều độ. - Chỉ ra được một số quan niệm và thói quen sai lầm về dinh dưỡng. - Hiểu được tầm quan trọng của khẩu phần ăn trong bữa ăn hàng ngày của gia đình. - Thực hành xây dựng được bữa ăn dinh dưỡng hợp lý trong gia đình. - Có ý thức tổ chức dinh dưỡng hợp lý trong bữa ăn hàng ngày của gia đình giúp phát triển thể chất, cải thiện sức khỏe, tăng cường hệ miễn dịch, giảm nguy cơ mắc bệnh. - Tích cực phổ biến cho cộng đồng tổ chức các bữa ăn đủ chất dinh dưỡng và điều độ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dinh dưỡng là một khái niệm để chỉ các hoạt động ăn uống, vận chuyển, hấp thu các dưỡng chất trong cơ thể và quá trình bài tiết chất thải. Ngoài ra, dinh dưỡng còn bao gồm các dưỡng chất được chúng ta tiêu thụ và dung nạp vào cơ thể hàng ngày. - Vai trò của dinh dưỡng: Các chất dinh dưỡng có vai trò rất quan trọng đối với sức khỏe cũng như sự tăng trưởng, phát triển thể chất và trí thông minh. - Các chất dinh dưỡng là thứ không thể thiếu trong cơ thể của con người. Có một chế độ ăn giàu chất dinh dưỡng sẽ hỗ trợ tốt cho sức khỏe của cơ thể và ngăn ngừa nguy cơ mắc nhiều bệnh tật.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
7. Vai trò Vitamin và các vi chất đối với sức khỏe con người	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò của vitamin và các vi chất đối với sức khỏe con người. - Kể tên được một số món ăn, thực phẩm giàu chất khoáng và vitamin. - Biết sử dụng các loại vitamin và các vi chất đúng cách. - Biết lựa chọn rau quả an toàn và bảo quản rau quả tại gia đình. - Biết sử dụng và bảo quản muối iốt trong chế biến thực phẩm hàng ngày. - Thực hành việc lựa chọn các món ăn có nhiều vitamin trong bữa ăn hàng ngày của gia đình. - Tích cực tham gia hưởng ứng các chiến dịch uống vitamin và vi chất ở cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có trên 20 loại vitamin như: vitamin A, B, C,... có trên 20 loại khoáng chất như: sắt, canxi, kẽm,... - Trong 3 nguyên tố vi lượng (iốt, sắt, vitamin A) cơ thể con người cần thì iốt chiếm vị trí quan trọng nhất.
8. Cách chế biến bữa ăn đơn giản, đủ chất, theo mùa	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành cách tổ chức bữa ăn hàng ngày đơn giản, đủ chất, phù hợp với điều kiện của gia đình và địa phương. - Thực hành được việc chế biến một số món ăn có giá trị dinh dưỡng theo mùa cho các thành viên trong gia đình để đảm bảo sức khỏe. - Tích cực tuyên truyền cho cộng đồng thực hiện ăn uống đủ chất và điều độ. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
9. Một số kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của thực phẩm nhiễm bẩn và ngộ độc thực phẩm. - Trình bày được một số quy định pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Nêu được cách phòng chống, xử trí khi bị ngộ độc thực phẩm. - Biết cách lựa chọn, chế biến và bảo quản thực phẩm an toàn vệ sinh. - Thực hành tình huống xử trí khi bị ngộ độc thực phẩm. - Có ý thức tích cực phản đối những hành vi vi phạm pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm. 	
10. Chăm sóc dinh dưỡng trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò của dinh dưỡng đối với sự phát triển của trẻ em. - Nêu được nhu cầu dinh dưỡng của trẻ ở các độ tuổi. - Trình bày được lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ. - Liên hệ thực tiễn địa phương về thực trạng chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em hiện nay. - Thực hành được việc chăm sóc trẻ để đảm bảo đủ dinh dưỡng và cho trẻ bú đúng tư thế. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tuyên truyền cho cộng đồng thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ và đưa trẻ đi tiêm chủng theo quy định. 	
CHỦ ĐỀ 3. VẤN ĐỀ CHUNG VỀ SỨC KHỎE		
11. Chăm sóc sức khỏe trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tầm quan trọng về phòng bệnh đối với trẻ em. - Nêu được cách phòng bệnh đối với trẻ em. - Nêu được lợi ích và lịch tiêm chủng mở rộng cho trẻ em ở các độ tuổi. - Thực hành được cách xử lý một số trường hợp có thể xảy ra trong tiêm chủng. - Nhận biết các dấu hiệu khi trẻ ốm. - Thực hành được cách chăm sóc khi trẻ bị ốm tại gia đình. 	
12. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai và cho con bú	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tầm quan trọng và yêu cầu về dinh dưỡng đối với phụ nữ mang thai và cho con bú. - Trình bày được một số dấu hiệu thường gặp và bất thường có thể xảy ra trong quá trình mang thai và sau khi sinh và cách xử lý những dấu hiệu đó. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số lưu ý khi sử dụng một số loại thuốc cho phụ nữ trong quá trình mang thai và cho con bú. - Nêu được một số biện pháp tránh thai; biết cách sử dụng các biện pháp tránh thai phù hợp với bản thân. - Tuân thủ lịch khám thai của y tế. - Thực hành giữ gìn vệ sinh cá nhân và chăm sóc sức khỏe tinh thần sau khi sinh con có hiệu quả. - Thực hành được cách chế biến thực phẩm bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho phụ nữ mang thai và cho con bú. - Biết được chế độ lao động, nghỉ ngơi khi phụ nữ mang thai và cho con bú. - Có ý thức truyền thông thực hiện sinh đẻ có kế hoạch ở những địa phương có tỷ suất mức sinh cao. 	
13. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò của dinh dưỡng đối với người cao tuổi. - Nêu được chế độ ăn hợp lý đối với người cao tuổi. - Thực hành xây dựng được chế độ ăn hợp lý với người cao tuổi trong gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dinh dưỡng cho người cao tuổi: giảm thịt, đường, muối, chất bột, ăn nhiều cá, rau, hoa quả tươi. - Một số bệnh liên quan đến người cao tuổi: thoái hóa khớp, tim mạch,

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các bệnh liên quan đến sức khỏe người cao tuổi. - Nêu được các cách vận động phù hợp với sức khỏe người cao tuổi. - Trình bày được các biện pháp phòng tránh với tình trạng suy giảm trí nhớ. - Thực hiện được các biện pháp chăm sóc người cao tuổi phù hợp. - Có ý thức tôn trọng và chăm sóc người cao tuổi. - Hưởng ứng và tổ chức được các hoạt động văn hóa, thể thao ở cộng đồng cho người cao tuổi. 	tiểu đường, tai biến mạch máu não, cao huyết áp.
14. Chăm sóc sức khỏe tinh thần	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về rối loạn sức khỏe tinh thần. - Trình bày được cách phân loại sức khỏe tinh thần. Nêu lên được đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi. - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng và các biện pháp phòng tránh trong việc chăm sóc sức khỏe tinh thần. - Nêu lên được một số cách chăm sóc sức khỏe tinh thần. - Thực hiện được các biện pháp chăm sóc sức khỏe tinh thần phù hợp với từng đối tượng và độ tuổi. - Có lối sống lành mạnh, lạc quan. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
15. Ảnh hưởng của môi trường đối với sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tầm quan trọng của môi trường tự nhiên (đất, nước và không khí, thiên nhiên) đối với sức khỏe. - Phân tích được những ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe. - Nêu được thực trạng và liên hệ việc ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe con người tại địa phương. - Thực hành được các biện pháp bảo vệ môi trường liên quan đến sức khỏe tại địa phương. 	<p>Con người có thể sống nhịn ăn trong 5 tuần, nhưng nhịn uống nước thì không quá 5 ngày và nhịn thở không quá 5 phút. Cơ thể mất 10% nước sẽ nguy hiểm đến tính mạng và mất 20 - 22% nước sẽ dẫn đến tử vong.</p>
16. Một số bài thuốc dân gian	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được lợi ích của việc sử dụng cây thuốc nam trong điều trị một số bệnh thông thường. - Kể tên được một số bài thuốc nam thường dùng trong chữa bệnh thông thường. - Sử dụng hợp lý các loại thuốc nam trong từng trường hợp bị đau ốm. - Thực hành sử dụng cây thuốc nam trong điều trị một số bệnh thông thường có hiệu quả. - Có ý thức tích cực trong việc trồng và tận dụng khai thác các loại cây thuốc nam để kiểm để chữa bệnh. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm tuyên truyền cho gia đình và cộng đồng về lợi ích của việc sử dụng cây thuốc nam để chữa bệnh. 	
17. Sử dụng tủ thuốc an toàn tại gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được lợi ích và nguyên tắc xây dựng tủ thuốc trong gia đình. - Kể tên được một số loại thuốc và dụng cụ y tế tối thiểu cần có trong tủ thuốc của mỗi gia đình. - Biết cách sắp xếp các loại thuốc thiết yếu và dụng cụ y tế ngăn nắp theo từng nhóm bệnh để tiện sử dụng. - Sử dụng được các loại thuốc thiết yếu một cách hợp lý trong từng trường hợp bị đau ốm. - Tuân thủ được những nguyên tắc sử dụng thuốc an toàn. - Tích cực vận động được mọi người trong cộng đồng xây dựng tủ thuốc gia đình. 	<p>Tủ thuốc tại gia đình nên có: nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt; thuốc ho; nhóm thuốc đau bụng, ỉa chảy; thuốc dùng sát trùng; các loại thuốc nhỏ mắt, mũi và các loại bông, băng, nhiệt kế...</p>
18. Vận động thể lực đối với sức khỏe con người	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tầm quan trọng của tập thể dục, thể thao đối với sức khỏe mỗi người. - Nêu được một số nguyên tắc trong tập luyện thể dục, thể thao. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số bài tập thể dục, thể thao thông dụng để nâng cao sức khỏe. - Thực hành tập được một số bài tập thể dục đơn giản để bảo vệ sức khỏe. - Tích cực đi bộ và luyện tập thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe. 	
19. Giấc ngủ và sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được lợi ích của giấc ngủ đối với sức khỏe con người. - Trình bày được những tác hại và hậu quả của việc thiếu ngủ, mất ngủ. - Thực hiện giấc ngủ hợp lý để giữ gìn sức khỏe. - Thực hiện được một số điều nên làm và một số điều không nên làm trước khi ngủ. 	
20. Phương pháp giải tỏa mệt mỏi, căng thẳng	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những dấu hiệu bị căng thẳng, mệt mỏi. - Trình bày được một số phương pháp giải tỏa căng thẳng, mệt mỏi. - Thực hiện được một số phương pháp để phòng tránh căng thẳng, mệt mỏi. - Có ý thức tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao ở cộng đồng. 	Các biện pháp điều trị: Massage, liệu pháp tâm lý, dùng thuốc, tắm, xoa bóp, bấm huyệt, xông hơi.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHỦ ĐỀ 4. PHÒNG VÀ XỬ TRÍ BAN ĐẦU MỘT SỐ TAI NẠN THƯƠNG TÍCH THƯỜNG GẶP TẠI CỘNG ĐỒNG		
21. Phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nguyên nhân, hậu quả do tai nạn thương tích gây ra. - Trình bày được cách phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em. - Biết được cách sơ cấp cứu nạn nhân khi bị tai nạn thương tích. - Có ý thức tuân thủ được các nguyên tắc trong phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em. - Có trách nhiệm vận động được mọi người trong cộng đồng xây dựng môi trường an toàn cho trẻ em. 	Một số tai nạn thương tích chủ yếu thường xảy ra cho trẻ em: Tai nạn do ngạt thở - hóc đường thở; tai nạn do ngộ độc; tai nạn do té ngã; tai nạn do động vật cắn, húc, ...
22. Phòng chống nhiễm độc thuốc trừ sâu	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân và hậu quả khi bị nhiễm độc thuốc trừ sâu. - Biết được cách xử trí khi bị nhiễm độc thuốc trừ sâu. - Biết được cách phòng chống nhiễm độc thuốc trừ sâu. - Có ý thức tuân thủ được các nguyên tắc trong sử dụng và bảo quản, cất giữ thuốc trừ sâu. 	Sơ cứu: Gây nôn ngay càng nhiều càng tốt; ngộ độc qua da cần rửa ngay xà phòng; chuyển ngay đến cơ sở y tế gần nhất.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
23. Phòng tránh tai nạn bỏng	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nguyên nhân, hậu quả do bỏng gây ra. - Trình bày được cách phòng chống bỏng. - Biết được cách xử trí và sơ cứu ban đầu khi bị bỏng. - Có ý thức tuân thủ được các nguyên tắc trong phòng chống cháy bỏng. - Có thái độ không đồng tình với một số cách chữa bỏng sai lầm hiện nay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm cả bỏng do điện giật. - Một số cách chữa bỏng sai lầm (bôi nước mắm, bôi dấm, đắp thuốc lá, đắp bùn non).
24. Phòng tránh đuối nước	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nguyên nhân gây ra đuối nước. - Trình bày được cách phòng chống đuối nước. - Biết được cách sơ cấp cứu nạn nhân khi bị đuối nước. - Có ý thức tuân thủ được các nguyên tắc trong phòng chống đuối nước. - Có ý thức trách nhiệm trong việc phòng tránh đuối nước cho bản thân, gia đình và cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp hà hơi thổi ngạt; phương pháp xoa bóp tim ngoài lồng ngực.
25. Phòng tránh tai nạn lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân và hậu quả do tai nạn lao động gây ra. - Trình bày được cách phòng chống tai nạn lao động - Biết được cách sơ cấp cứu nạn nhân khi bị tai nạn lao động. Liên hệ được thực trạng về tai nạn lao động tại địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp sơ cứu vết thương. - Sơ cấp cứu khi bị gãy xương. - Phương pháp hà hơi thổi ngạt, phương pháp xoa bóp tim ngoài lồng ngực.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm tuân thủ các nguyên tắc trong phòng chống tai nạn lao động. - Có ý thức vận động được mọi người dân thực hiện các nguyên tắc an toàn trong lao động. 	
26. Phòng tránh tai nạn giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tình huống, nguyên nhân và hậu quả của tai nạn giao thông. - Trình bày được các biện pháp phòng chống tai nạn giao thông. - Biết được cách sơ cấp cứu nạn nhân khi bị tai nạn giao thông. - Tích cực tuyên truyền cho cộng đồng thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ. - Hưởng ứng tích cực các cuộc vận động thực hiện an toàn giao thông ở địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp sơ cứu vết thương. - Sơ cấp cứu khi bị gãy xương. - Phương pháp hà hơi thổi ngạt. phương pháp xoa bóp tim ngoài lồng ngực.
CHỦ ĐỀ 5. PHÒNG CHỐNG MỘT SỐ BỆNH LÂY NHIỄM THƯỜNG GẶP		
<i>Nhóm bệnh qua đường hô hấp</i>		
27. Bệnh cúm	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các dấu hiệu của từng loại cúm ở người. - Nêu được những nguyên nhân, hậu quả do bệnh cúm ở người gây ra. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được cách phòng chống từng loại bệnh cúm ở người tại gia đình. - Liên hệ được việc phòng chống bệnh cúm tại địa phương. - Tích cực giữ gìn vệ sinh cá nhân, nhà cửa, môi trường sạch sẽ. 	
28. Bệnh lao	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những dấu hiệu cơ bản của bệnh lao. - Nêu được nguyên nhân, hậu quả do bệnh lao gây ra. - Liên hệ được về tình trạng mắc bệnh lao và các giải pháp phòng chống lao tại địa phương. - Thực hiện được cách phòng chống bệnh lao trong gia đình. - Có trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc phòng và điều trị bệnh lao. - Tích cực hưởng ứng cuộc vận động phòng chống bệnh lao trong cộng đồng. 	<p>- Các dấu hiệu của bệnh lao: Có các triệu chứng như: Ho kéo dài trên 2 tuần (ho khan, ho có đờm, ho ra máu), đây là triệu chứng nghi lao quan trọng nhất. Ngoài ra, người bệnh có một số triệu chứng thường gặp khác như: Gầy sút, kém ăn, mệt mỏi; sốt nhẹ về chiều; ra mồ hôi “trộm” ban đêm; đau ngực, đôi khi khó thở.</p>
29. Bệnh sởi	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những dấu hiệu của bệnh sởi. - Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của bệnh sởi. - Liên hệ được tình trạng mắc bệnh sởi và các giải pháp phòng chống bệnh sởi tại địa phương. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện được cách phòng chống bệnh sởi trong gia đình.- Có trách nhiệm tuân thủ lịch tiêm phòng ở cộng đồng để phòng chống bệnh sởi cho trẻ em.	
30. Bệnh ho gà	<ul style="list-style-type: none">- Nêu được những dấu hiệu của bệnh ho gà.- Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của bệnh ho gà.- Thực hiện được cách phòng chống bệnh ho gà tại gia đình.- Liên hệ được thực tiễn ở địa phương về tình trạng mắc bệnh ho gà và các giải pháp phòng chống bệnh ho gà.- Có trách nhiệm tuân thủ lịch tiêm phòng ở cộng đồng để phòng chống bệnh ho gà.	
31. Bệnh bạch hầu	<ul style="list-style-type: none">- Nêu được những dấu hiệu của bệnh bạch hầu.- Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của bệnh bạch hầu.- Liên hệ được về tình trạng mắc bệnh bạch hầu và các giải pháp phòng chống tại địa phương.- Thực hiện được cách phòng chống bệnh bạch hầu tại gia đình.- Có trách nhiệm tuân thủ lịch tiêm phòng ở cộng đồng để phòng chống bệnh bạch hầu.	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
32. Bệnh đậu mùa	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các biểu hiện và triệu chứng của bệnh đậu mùa. - Trình bày được nguyên nhân và các đường lây truyền bệnh đậu mùa. - Liên hệ được thực tiễn ở địa phương về tình trạng mắc bệnh đậu mùa và các giải pháp phòng chống. - Có ý thức thực hiện các biện pháp phòng tránh bệnh đậu mùa cho bản thân và gia đình và cộng đồng. 	
<i>Nhóm bệnh lây qua da và niêm mạc</i>		
33. Các bệnh về mắt	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tầm quan trọng của đôi mắt; kể tên các bệnh về mắt thường gặp. - Nêu được nguyên nhân gây bệnh đau mắt đỏ, bệnh đau mắt hột. - Trình bày được những biểu hiện và biến chứng của bệnh đau mắt đỏ; bệnh đau mắt hột. - Biết được cách phòng bệnh đau mắt đỏ; đau mắt hột cho bản thân và gia đình. - Liên hệ được thực tiễn ở địa phương về bệnh đau mắt đỏ và cách phòng chống các bệnh về mắt của bản thân, gia đình và cộng đồng có hiệu quả. 	<p>- Mắt là cơ quan thị giác thực hiện chức năng nhìn, quan sát, thu nhận hình ảnh của sự vật, màu sắc để chuyển về cho não xử lý và lưu trữ. Mắt còn giúp chúng ta tiếp cận tri thức nhân loại thông qua học tập và nghiên cứu. Đôi mắt còn được gọi là “cửa sổ” của tâm hồn.</p>

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
34. Bệnh tay chân miệng trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các biểu hiện và triệu chứng của bệnh tay chân miệng trẻ em. - Trình bày được nguyên nhân và các đường lây truyền bệnh tay chân miệng trẻ em. - Thực hành được các biện pháp phòng tránh bệnh tay chân miệng trẻ em ở cộng đồng. - Liên hệ được thực tiễn ở địa phương về bệnh chân tay miệng và cách phòng chống bệnh chân tay miệng của bản thân, gia đình và cộng đồng có hiệu quả. 	
<i>Nhóm bệnh lây truyền qua ký sinh trùng</i>		
35. Bệnh sốt xuất huyết	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được bệnh sốt xuất huyết và mô tả được những dấu hiệu của bệnh sốt xuất huyết. - Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của bệnh sốt xuất huyết. - Thực hiện được cách phòng chống bệnh sốt xuất huyết. - Có ý thức tích cực giữ gìn vệ sinh nhà cửa, thu dọn nước đọng - nơi muỗi đẻ trứng; tham gia các phong trào tham gia tổng vệ sinh làng xóm, gia đình và tuyên truyền cho cộng đồng về phòng chống bệnh sốt xuất huyết. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tham gia hưởng ứng các chiến dịch phòng, chống bệnh sốt xuất huyết tại cộng đồng. - Có thái độ phê phán một số thói quen sai lầm trong xử lý khi nghi ngờ bị mắc bệnh sốt xuất huyết như: cạo gió, cắt lễ; mặc nhiều quần áo, quần kín, uống thuốc Aspirin. 	
36. Bệnh dại	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được các triệu chứng bệnh dại. Nêu được nguyên nhân bệnh dại. - Liệt kê được cách đường lây truyền của bệnh dại. - Liên hệ được về tình trạng của bệnh dại và các giải pháp phòng chống bệnh dại tại địa phương. - Thực hiện được các biện pháp phòng chống bệnh dại. - Có ý thức truyền thông cho gia đình và cộng đồng về phòng chống bệnh dại. 	
37. Bệnh viêm não Nhật Bản	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được những dấu hiệu và biểu hiện của bệnh viêm não Nhật Bản. - Phân tích được nguyên nhân, hậu quả do bệnh viêm não Nhật Bản gây ra. - Trình bày được cách phòng ngừa bệnh viêm não Nhật Bản. - Liên hệ được thực tiễn địa phương về tình trạng mắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh viêm não Nhật Bản là bệnh truyền nhiễm cấp tính do virus gây ra, làm tổn thương đến hệ thần kinh trung ương (não bộ) của con người. - Bệnh viêm não Nhật Bản là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, có thể đe dọa tính mạng, dẫn đến tử vong.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	bệnh viêm não Nhật Bản và các giải pháp phòng chống bệnh. - Có trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc phòng bệnh và điều trị bệnh viêm não Nhật Bản. - Có ý thức phòng tránh bệnh viêm não Nhật Bản cho bản thân, gia đình và cộng đồng.	- Bệnh viêm não Nhật Bản để lại các di chứng thần kinh, tâm thần (chiếm 50%): Liệt vận động, chậm phát triển trí tuệ (bại não), mất ngôn ngữ, giảm trí nhớ nghiêm trọng, rối loạn tâm thần hoặc hôn mê, nghe kém hoặc điếc.
38. Bệnh sốt rét	- Nêu được những dấu hiệu của bệnh sốt rét. Các đường lây truyền bệnh sốt rét. - Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của bệnh sốt rét. - Nêu được cách phòng chống bệnh sốt rét. - Tích cực giữ gìn vệ sinh nhà cửa, thu dọn nước đọng - nơi muỗi đẻ trứng... - Có trách nhiệm tuân thủ được nguyên tắc phòng bệnh và điều trị bệnh sốt rét. - Tích cực tham gia hưởng ứng các chiến dịch phòng, chống bệnh sốt rét tại địa phương và phong trào tham gia tổng vệ sinh làng xóm, gia đình. - Có ý thức truyền thông cho cộng đồng về phòng chống bệnh sốt rét.	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
39. Bệnh giun	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên được các triệu chứng bệnh giun thường gặp. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh giun. - Phân tích được tác hại và hậu quả khi mắc bệnh giun. - Kể tên được các đường lây truyền bệnh và thực hiện cách phòng bệnh giun. - Có ý thức trong việc ăn uống, vệ sinh phòng bệnh giun của cá nhân. - Có trách nhiệm bảo vệ và tuyên truyền cho người thân trong gia đình, cộng đồng về việc phòng bệnh giun. 	<p>Các loại giun thường được tìm thấy hay ký sinh trong cơ thể người bao gồm: giun đũa, giun móc, giun tóc và giun kim.</p>
<i>Nhóm bệnh lây qua đường máu và tình dục</i>		
40. Bệnh Viêm gan A, B, C	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các dấu hiệu của bệnh viêm gan A, B, C. Các con đường lây nhiễm của bệnh viêm gan A, B, C. - Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của bệnh viêm gan A, B, C. - Phân biệt được bệnh viêm gan A, B, C. - Nhận biết được những dấu hiệu khi bị bệnh viêm gan A, B, C. - Biết cách phòng chống bệnh viêm gan A, B, C. - Có ý thức tuân thủ cách phòng tránh và điều trị bệnh viêm gan A, B, C theo chỉ định của bác sỹ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh viêm gan là tình trạng tế bào gan bị tổn thương và viêm nhiễm trong mô gan. Nó diễn ra một cách thầm lặng, không có biểu hiện ở giai đoạn đầu mà chỉ khi bệnh đã nặng người bệnh mới rõ triệu chứng. - Bệnh có thể khiến chức năng gan suy giảm nghiêm trọng, hình thành xơ gan, thậm chí là gây ung thư gan dẫn đến tử vong.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm tuân thủ lịch tiêm phòng ở cộng đồng để phòng chống bệnh. 	
<p>41. Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những kiến thức cơ bản về HIV/AIDS. - Phân tích được nguyên nhân gây nên HIV/AIDS. - Nhận thức được những hậu quả của HIV/AIDS đối với cá nhân, cộng đồng và xã hội - Nhận biết được thế nào là kỳ thị và phân biệt đối xử với người có HIV/AIDS; nguyên nhân và tác hại của sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người có HIV/AIDS. - Phân tích được vai trò của gia đình và cộng đồng trong việc hỗ trợ, giúp đỡ người có HIV/AIDS. - Nêu được cách phòng tránh HIV/AIDS và cách chăm sóc người bị nhiễm HIV/AIDS. - Tuân thủ cách chăm sóc, phòng tránh bệnh AIDS. - Có thái độ tôn trọng, thân thiện, không phân biệt kỳ thị với người có HIV/AIDS. - Tích cực tham gia hưởng ứng các cuộc vận động phòng chống HIV/AIDS. 	<p>HIV/AIDS không phải là tệ nạn xã hội. HIV lây truyền qua đường tình dục, truyền máu, từ mẹ sang con. Có thể phòng tránh được HIV nếu tuân thủ các nguyên tắc an toàn trong tiêm, truyền, quan hệ tình dục an toàn và làm mẹ an toàn.</p>

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
42. Bệnh lây truyền qua đường tình dục	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm chung về bệnh lây truyền qua đường tình dục. - Trình bày các triệu chứng của bệnh lây truyền qua đường tình dục. - Nêu được những nguyên nhân mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục. - Phân tích được hậu quả của bệnh lây truyền qua đường tình dục. - Biết được cách phòng tránh bệnh lây truyền qua đường tình dục. - Tuân thủ cách phòng tránh, điều trị bệnh lây truyền qua đường tình dục theo yêu cầu của bác sĩ. - Có ý thức giữ gìn vệ sinh để phòng tránh lây truyền qua đường tình dục. - Có lối sống, sinh hoạt tình dục lành mạnh và an toàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh lây truyền qua đường tình dục là bệnh hình thành do sự lây lan của các mầm bệnh như vi khuẩn, nấm, virus, ký sinh trùng từ người này sang người khác qua đường quan hệ tình dục. - Bệnh cũng có thể lây truyền từ mẹ sang con khi mang thai, sinh nở hoặc qua truyền máu hay dùng chung kim tiêm. - Hậu quả: tắc vòi trứng, vô sinh, gây bệnh ác tính.
<i>Nhóm bệnh lây qua đường tiêu hóa</i>		
42. Bệnh tiêu chảy cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những dấu hiệu của bệnh tiêu chảy cấp. Các đường lây truyền bệnh tiêu chảy cấp. - Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của bệnh tiêu chảy cấp và cách phòng chống bệnh tiêu chảy cấp. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tuân thủ thực hiện ăn chín, uống sôi. Sử dụng thực phẩm an toàn. - Tích cực tham gia hưởng ứng các chiến dịch phòng, chống bệnh tiêu chảy địa phương và an toàn thực phẩm. - Có trách nhiệm truyền thông được cho gia đình và cộng đồng về phòng chống bệnh tiêu chảy. 	
CHỦ ĐỀ 6. PHÒNG CHỐNG MỘT SỐ BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM THƯỜNG GẶP		
44. Các bệnh tim mạch	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về bệnh tim mạch và nhận biết được một số dấu hiệu của các bệnh tim mạch. - Phân tích được nguyên nhân, hậu quả của các bệnh tim mạch. - Biết cách xử trí và phòng bệnh các bệnh tim mạch. - Thực hành được các biện pháp để phòng chống bệnh tim mạch của bản thân. - Có ý thức bảo vệ sức khỏe để phòng các bệnh tim mạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh tim mạch là một nhóm các tình trạng bệnh lý liên quan đến cấu trúc và hoạt động của tim cũng như các mạch máu, gây suy yếu khả năng hoạt động của cơ tim. - Bệnh tim mạch bao gồm: Bệnh mạch vành (nhồi máu cơ tim), tai biến mạch máu não (đột quỵ), tăng huyết áp tăng (cao huyết áp), bệnh động mạch vành ngoại biên, bệnh tim bẩm sinh, bệnh cơ tim, loạn nhịp tim và suy tim.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Dấu hiệu của bệnh tim mạch: Hồi hộp đánh trống ngực, hoa mắt, khó thở, chóng mặt, tím tái,... - Bệnh tim mạch có thể dẫn đến tử vong rất cao.
45. Bệnh huyết áp	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thế nào là bệnh huyết áp và nhận biết được dấu hiệu của bệnh huyết áp. - Nêu được nguyên nhân, hậu quả của bệnh huyết áp. - Nêu được cách phòng bệnh huyết áp. - Có ý thức kiểm tra sức khỏe để phòng bệnh huyết áp. - Thực hành được cách phòng chống bệnh huyết áp cho bản thân và người thân trong gia đình. - Có trách nhiệm trong việc tự điều chỉnh và kiểm soát huyết áp của bản thân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh huyết áp cao, hay còn gọi là tăng huyết áp, là một tình trạng áp lực máu tạo ra khi lưu thông qua mạch máu trong cơ thể cao hơn mức bình thường. - Bệnh huyết áp cao nếu không được điều trị đúng cách có thể gây ra các biến chứng nguy hiểm như đột quỵ, nhồi máu cơ tim, suy thận, và đồng thời tăng nguy cơ mắc các bệnh lý khác.
46. Bệnh tai biến mạch máu não	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về bệnh tai biến mạch máu não và các dấu hiệu khi bị tai biến mạch máu não. - Nêu được nguyên nhân, hậu quả của bệnh tai biến mạch máu não. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tai biến mạch máu não, hay còn gọi là đột quỵ là tình trạng mất lưu thông máu đột ngột đến một khu vực của não, xảy ra khi mạch máu

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách xử trí và các biện pháp phòng bệnh tai biến mạch máu não. Liên hệ về bệnh tai biến mạch máu não tại địa phương. - Có thái độ tích cực kiểm tra sức khỏe để phòng bệnh tai biến mạch máu não. - Có ý thức về chế độ ăn và luyện tập thể dục thể thao để phòng ngừa bệnh tai biến mạch máu não cho bản thân và gia đình. 	<p>não bị tắc nghẽn bởi cục máu đông hoặc bị nứt, vỡ, gây chảy máu trong não.</p> <p>- Hậu quả của tai biến mạch máu não rất nặng nề, đây là nguyên nhân gây tử vong đứng hàng thứ hai và là nguyên nhân gây tàn phế đứng hàng thứ ba trên thế giới.</p>
47. Bệnh viêm đường hô hấp cấp tính và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các dấu hiệu của bệnh viêm đường hô hấp cấp tính và mãn tính. - Nêu được nguyên nhân, hậu quả của bệnh viêm đường hô hấp cấp tính và mãn tính. - Nêu được dấu hiệu khi bị viêm đường hô hấp cấp tính, mãn tính. - Biết cách xử trí và phòng bệnh viêm đường hô hấp cấp tính, mãn tính. 	<p>Bệnh viêm đường hô hấp cấp tính và mãn tính thường gặp và nguy hiểm (viêm phổi tắc nghẽn, viêm phế quản, hen).</p>
48. Bệnh về thận và đường tiết niệu	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về bệnh thận, đường tiết niệu và các dấu hiệu khi mắc bệnh thận, đường tiết niệu. - Nêu được các nguyên nhân gây bệnh thận và đường tiết niệu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số bệnh thận hay gặp: Thận hư, viêm cầu thận, viêm thận, sỏi thận, suy thận,... - Dấu hiệu của bệnh thận: Đái buốt,

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách phòng bệnh thận và đường tiết niệu. - Có ý thức kiểm tra sức khỏe thường xuyên để phòng bệnh thận và đường tiết niệu. 	đái rắt, đái ít hoặc nhiều lần; Nước tiểu đục, có máu, phù; buồn nôn; mệt mỏi; hoa mắt, chóng mặt; sốt.
49. Bệnh đái tháo đường	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm và các dấu hiệu của bệnh đái tháo đường. - Trình bày được các nguyên nhân, hậu quả chính của bệnh đái tháo đường. - Biết cách phòng bệnh đái tháo đường. - Có ý thức tuân thủ được các biện pháp phòng bệnh đái tháo đường cho bản thân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đái tháo đường là bệnh rối loạn chuyển hóa chất đường, chất béo, chất đạm. - Dấu hiệu của đái tháo đường: Đái nhiều, ăn nhiều, uống nhiều, sụt cân; rối loạn thị lực, nhìn mờ.
<p>50. Các bệnh ung thư phổ biến ở Việt Nam (Ung thư gan, ung thư phổi, ung thư máu, ung thư dạ dày, ung thư trực tràng, ung thư đại tràng, ung thư tuyến tụy, ung thư xương, ung thư vú, ung thư cổ tử cung)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm chung về bệnh ung thư. - Trình bày được các yếu tố, nguy cơ dễ mắc bệnh ung thư: <i>Ung thư gan, ung thư phổi, ung thư máu, ung thư dạ dày, ung thư trực tràng, ung thư đại tràng, ung thư tuyến tụy, ung thư xương, ung thư vú, ung thư cổ tử cung.</i> - Nêu được các dấu hiệu ung thư: <i>Ung thư gan, ung thư phổi, ung thư máu, ung thư dạ dày, ung thư trực tràng, ung thư đại tràng, ung thư tuyến tụy, ung thư xương, ung thư vú, ung thư cổ tử cung.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Ung thư là căn bệnh xảy ra khi có tế bào không bình thường xuất hiện, sinh trưởng mất kiểm soát và hợp thành một khối u. Các tế bào ung thư dần dần sẽ phá hủy và xâm lấn các mô lành trong cơ thể, xuất phát từ các cơ quan lân cận cho đến toàn cơ thể. - Các bệnh ung thư phổ biến gồm: Ung thư gan, ung thư phổi, ung thư máu, ung thư dạ dày, ung thư trực

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguyên nhân và hậu quả của các bệnh ung thư đối với cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội. - Biết cách phòng bệnh ung thư: <i>Ung thư gan, ung thư phổi, ung thư máu, ung thư dạ dày, ung thư trực tràng, ung thư tuyến tụy, ung thư xương, ung thư vú, ung thư cổ tử cung.</i> - Thực hành kể tên được các dấu hiệu nhận biết về từng loại ung thư và các biện pháp phòng bệnh ung thư. - Có ý thức thường xuyên kiểm tra sức khỏe định kỳ để phát hiện sớm bệnh ung thư và điều trị bệnh kịp thời. 	<p>tràng, ung thư tuyến tụy, ung thư xương, ung thư vú, ung thư cổ tử cung.</p> <p>- Đa số các loại ung thư đều không có biểu hiện cụ thể trong giai đoạn sớm, nên chỉ có thể phát hiện khi có triệu chứng hoặc khám sức khỏe vô tình phát hiện.</p>
51. Bệnh béo phì ở trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các dấu hiệu của bệnh béo phì ở trẻ em. - Trình bày được những nguyên nhân và tác hại của bệnh béo phì ở trẻ em. - Nêu lên được những cách phòng chống béo phì ở trẻ em. - Thực hành được việc xây dựng bữa ăn và dinh dưỡng hợp lý để phòng chống bệnh béo phì ở trẻ em trong gia đình. - Có ý thức giữ gìn sức khỏe, ăn uống và vận động hợp lý. 	<p>- Béo phì là tình trạng dư thừa chất béo trong cơ thể. Để đánh giá béo phì, dựa vào tương quan giữa chiều cao và cân nặng để ước tính lượng mỡ trong cơ thể.</p> <p>- Dấu hiệu thường thấy nhất của béo phì chính là sự tăng trọng lượng cơ thể, hình thành nhiều mỡ thừa, đặc biệt ở các vùng đùi, bụng, eo, ngực, bắp tay, bắp chân. Một số</p>

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm vận động người thân trong gia đình có chế độ ăn uống và luyện tập thể thao để ngăn ngừa bệnh béo phì. 	<p>đặc điểm khác có thể nhận biết béo phì là ngủ ngáy. Thức dậy nhưc đầu, mệt mỏi. Ban ngày thiếu tỉnh táo.</p>
52. Bệnh suy dinh dưỡng trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về bệnh suy dinh dưỡng và dấu hiệu của bệnh suy dinh dưỡng. - Trình bày được những nguyên nhân và tác hại của bệnh suy dinh dưỡng ở trẻ em. - Nêu lên được những cách phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em. - Thực hành được việc xây dựng bữa ăn và dinh dưỡng hợp lý để phòng chống bệnh suy dinh dưỡng ở trẻ em trong gia đình. - Trình bày được vai trò của tiêm chủng trong phòng chống suy dinh dưỡng. - Có ý thức hưởng ứng chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em ở cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Suy dinh dưỡng là tình trạng thiếu hụt các chất dinh dưỡng cần thiết làm ảnh hưởng đến hoạt động tăng trưởng bình thường của cơ thể. - Trẻ bị suy dinh dưỡng có biểu hiện là cân nặng, chiều cao thấp hơn bình thường, chậm phát triển thể chất và tinh thần, mắc bệnh nhiễm khuẩn như tiêu chảy, viêm đường hô hấp.
53. Bệnh rối loạn sức khỏe tâm thần	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về rối loạn sức khỏe tâm thần. - Trình bày được các triệu chứng rối loạn sức khỏe tâm thần. - Phân tích được một số nguyên nhân thường gặp rối loạn sức khỏe tâm thần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Rối loạn tâm thần là nhóm bệnh chỉ chung cho tình trạng rối loạn sức khỏe tâm thần, ảnh hưởng đến tâm trạng, suy nghĩ, hành động của con người.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số dạng bệnh rối loạn tâm thần thường gặp. - Nêu được tác hại của rối loạn sức khỏe tâm thần đối với cá nhân và cộng đồng. - Nêu được cách phòng tránh rối loạn sức khỏe tâm thần. - Thực hành kể tên được các triệu chứng và biểu hiện về rối loạn sức khỏe tâm thần và các biện pháp phòng tránh rối loạn sức khỏe tâm thần. - Có ý thức giữ gìn sức khỏe tinh thần tốt để phòng tránh rối loạn tâm thần cho người thân trong gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số ví dụ bệnh rối loạn sức khỏe tâm thần như: Rối loạn lo âu, trầm cảm, rối loạn ăn uống, tâm thần phân liệt, hành vi gây nghiện.
CHỦ ĐỀ 7. PHÒNG CHỐNG MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP KHÁC		
54. Các bệnh về tai - mũi - họng	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tầm quan trọng của tai mũi họng đối với con người. - Kể tên được một số bệnh về tai - mũi - họng và nêu các biểu hiện chính của bệnh tai - mũi - họng. - Nêu được nguyên nhân và hậu quả của bệnh tai - mũi - họng. - Trình bày được cách điều trị một số bệnh tai - mũi - họng. - Biết cách phòng chống một số bệnh tai - mũi - họng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tai, mũi, họng có mối liên quan với các giác quan mà con người sử dụng hàng ngày. Tai cho phép một người nghe và tai trong giúp ổn định cơ thể và giữ thăng bằng. Mũi cho phép ngửi và cũng hỗ trợ vị giác. Thở bằng mũi làm ẩm không khí và giúp lọc không khí trước khi vào phổi. Cổ họng là đường dẫn không khí đến phổi và thanh quản.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ được cách phòng chống các bệnh về tai - mũi - họng của bản thân và người thân trong gia đình. - Có ý thức tuân thủ các nguyên tắc trong giữ gìn vệ sinh tai - mũi - họng. 	<p>Nó cũng nối miệng với thực quản, nơi thức ăn đi xuống để đến hệ thống tiêu hóa.</p> <p>Tai, mũi và họng là những cơ quan có cấu trúc và cơ chế hoạt động phức tạp và có liên quan với nhau cho phép một người tạo ra âm thanh, nghe, giữ thăng bằng, ngửi, thở và nuốt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các bệnh tai mũi họng là tất cả các bất thường trong cấu trúc, chức năng, hoạt động của các bộ phận thuộc vùng tai mũi họng.
55. Bệnh răng - miệng	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên được các dấu hiệu khi mắc bệnh về răng - miệng. - Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của bệnh răng - miệng. - Biết cách phòng bệnh và chăm sóc răng - miệng. - Liên hệ thực hành được các giải pháp chăm sóc răng - miệng của cá nhân và người thân trong gia đình. - Có ý thức tuân thủ các nguyên tắc trong giữ gìn vệ sinh răng miệng. 	<p>Cách chăm sóc phòng ngừa bệnh răng - miệng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng đúng cách: đánh răng đúng cách và ít nhất 2 lần/ngày. - Xây dựng chế độ ăn uống hợp lý: Tăng cường ăn các loại thực phẩm xanh, chứa nhiều chất xơ như rau, củ.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
		- Khám răng và lấy cao răng định kỳ: 6 tháng/lần để sớm phát hiện ngăn ngừa và điều trị các bệnh lý về răng, nướu.
56. Bệnh viêm khớp	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về bệnh viêm khớp, bệnh gút. - Mô tả được các dấu hiệu khi mắc bệnh viêm khớp, bệnh gút. - Trình bày được các nguyên nhân chính gây bệnh viêm khớp, bệnh gút. - Trình bày được cách phòng bệnh viêm khớp, bệnh gút. - Liên hệ thực hành kể tên được các dấu hiệu mắc bệnh viêm khớp, bệnh gút và cách phòng chống các bệnh. - Có ý thức trong việc phòng ngừa bệnh viêm khớp, bệnh gút. 	- Bệnh gút: là một dạng viêm khớp có tích tụ acid uric trong khớp.
57. Bệnh loãng xương.	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về bệnh loãng xương. - Mô tả được các dấu hiệu khi bị bệnh loãng xương. - Trình bày được các nguy cơ gây bệnh loãng xương. - Thực hiện được cách phòng bệnh loãng xương. - Liên hệ thực hành kể tên được các dấu hiệu khi bị bệnh loãng xương và cách thực hiện phòng chống bệnh loãng xương. 	- Loãng xương: là bệnh làm cho xương bị yếu và giòn, dễ gãy.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức để phòng ngừa bệnh loãng xương cho cá nhân và các thành viên trong gia đình. 	
58. Bệnh bướu cổ	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về bệnh bướu cổ. - Trình bày được các dấu hiệu khi mắc bệnh bướu cổ. - Phân tích được các nguyên nhân gây bệnh bướu cổ. - Biết cách phòng tránh bệnh bướu cổ. - Liên hệ thực hành kể tên được các dấu hiệu khi mắc bệnh bướu cổ và cách thực hiện để phòng tránh bệnh bướu cổ. - Có thói quen sử dụng muối i-ốt trong bữa ăn hàng ngày; Có ý thức vận động mọi người trong gia đình và cộng đồng sử dụng muối i-ốt để phòng tránh bệnh bướu cổ. 	
59. Các bệnh ngoài da thường gặp	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thế nào là bệnh ngoài da. - Mô tả được các dấu hiệu mắc bệnh nhiễm trùng da, dị ứng. - Trình bày được các nguyên nhân gây nhiễm trùng da, dị ứng. - Nêu được các nguyên tắc phòng và điều trị nhiễm trùng da, dị ứng. 	<p>Có nhiều loại bệnh ngoài da, chỉ tập trung vào một số bệnh nhiễm trùng da hay gặp: hắc bào, chàm, chốc, viêm da, nấm da, dị ứng.</p>

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành kể tên được các dấu hiệu khi mắc bệnh nhiễm trùng da, dị ứng và cách điều trị bệnh. - Có ý thức trách nhiệm giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh nhà cửa, môi trường sạch sẽ phòng tránh bệnh ngoài da. 	
<p>60. Phòng ngừa sử dụng thuốc lá, rượu bia, đồ uống và các chất gây nghiện trong cộng đồng</p>	<p>Nêu được nguyên nhân sử dụng thuốc lá, rượu bia và các chất gây nghiện trong cộng đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tác hại của thuốc lá và các biện pháp phòng chống tác hại thuốc lá. - Nêu được tác hại của rượu bia và các biện pháp phòng, chống tác hại của lạm dụng rượu bia. - Nêu được tác hại việc sử dụng các chất gây nghiện và các biện pháp phòng, chống tác hại của các chất gây nghiện. - Thực hành được các biện pháp phòng chống tác hại khi sử dụng thuốc lá, rượu bia và chất gây nghiện trong cộng đồng. - Có ý thức hạn chế sử dụng thuốc lá, rượu bia và các chất gây nghiện của bản thân và tích cực vận động người thân trong gia đình hạn chế sử dụng. - Tích cực tuân thủ các biện pháp phòng, chống tác hại của thuốc lá, rượu bia, các chất gây nghiện. 	

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời lượng

Chương trình Giáo dục bảo vệ sức khỏe đã quy định thời lượng cụ thể cho từng nội dung, chủ đề. Thời lượng thực hiện toàn bộ chương trình là 210 tiết (70 buổi; mỗi buổi 3 tiết), trong đó 138 tiết lý thuyết và 72 tiết thực hành. Chương trình không quy định về số tiết và số buổi trong tuần, tháng và năm. Hàng năm, các địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục bảo vệ sức khỏe với thời lượng tối thiểu là 30 tiết trở lên.

Nội dung Giáo dục bảo vệ sức khỏe được thiết kế linh hoạt, mềm dẻo. Khi tổ chức thực hiện giáo dục bảo vệ sức khỏe cho người dân, các địa phương căn cứ vào sự hiểu biết kiến thức về y tế của người học để lựa chọn các chủ đề, nội dung cụ thể cho phù hợp với từng đối tượng, từng cộng đồng nhưng phải đảm bảo đúng các yêu cầu cần đạt và thời lượng đã được quy định tại chương trình. Tùy thuộc vào các đối tượng khác nhau để lựa chọn các chủ đề và nội dung cho phù hợp.

2. Hướng dẫn tổ chức dạy học

a) Phương pháp dạy học

- Để giáo dục bảo vệ sức khỏe có hiệu quả, giáo viên, báo cáo viên có thể kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học để tạo cơ hội cho người học được trải nghiệm những kiến thức về giáo dục sức khỏe trong đời sống thực tiễn hoặc trong các tình huống được mô phỏng gần với tình huống thực tiễn; được tự tìm tòi, khai thác, xử lý thông tin, tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau có liên quan đến chủ đề bài học.

- Trong quá trình tổ chức dạy học, giáo viên, báo cáo viên tạo cơ hội cho người học được giao lưu, thực hành xây dựng và thực hiện các hoạt động, nhằm giải quyết những vấn đề, những tình huống thực tế có liên quan đến bài học; người học được bày tỏ quan điểm, ý kiến, kinh nghiệm về bảo vệ sức khỏe; người học cùng nhau bàn bạc, lựa chọn, thực hiện và điều chỉnh cách ứng xử hành vi có lợi cho sức khỏe, phù hợp với điều kiện thực tế, phong tục, tập quán, những vấn đề quy định của địa phương liên quan đến bảo vệ sức khỏe. Ngoài ra, người học được tự nhận xét, tự đánh giá các

thái độ, hành vi, việc làm của bản thân, của người khác liên quan đến bảo vệ sức khỏe theo các chuẩn mực văn hóa, đạo đức và pháp luật đã học.

Giáo viên có thể kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng hình ảnh, các video trực quan, sinh động để giúp bài học hấp dẫn với người học.

b) Hình thức tổ chức giáo dục sức khỏe

- Việc tổ chức giáo dục bảo vệ sức khỏe được thực hiện với nhiều hình thức khác nhau: Học trực tiếp được tiến hành tại lớp học; tại trạm y tế; tham quan, thực tế; sinh hoạt nhóm; tổ chức các hội thi, các tiểu phẩm để tạo điều kiện các cá nhân, địa phương trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho bản thân và cộng đồng.

- Giáo dục bảo vệ sức khỏe được tổ chức thông qua kênh truyền thanh xã, truyền hình địa phương, hỏi đáp và tư vấn về chăm sóc sức khỏe của người dân trong cộng đồng.

c) Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập về lĩnh vực giáo dục sức khỏe của người học phải bảo đảm các yêu cầu chung như sau:

- Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập nghiên cứu, dự án nghiên cứu) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của người học trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

- Chú trọng sử dụng các bài tập xử lý tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với người học. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để người học được thể hiện phẩm chất và năng lực.

- Việc đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của người học trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt tại nhà và cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của giáo viên, học viên, gia đình hoặc các tổ chức xã hội.

- Nội dung đánh giá cần đảm bảo các yêu cầu cần đạt theo quy định chương trình.

- Sau khi học xong một chủ đề, giáo viên, báo cáo viên có thể kiểm tra, đánh giá người học bằng các phiếu trắc nghiệm, bài thu hoạch hoặc kế hoạch hành động và kết quả thực tế vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn bảo vệ sức khỏe của bản thân và gia đình người học.

- Bài kiểm tra được đánh giá theo hình thức Đạt và Chưa đạt. Xếp loại Đạt nếu người học thực hiện được 50% yêu cầu cần đạt của nội dung/chủ đề.

3. Điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

a) Đội ngũ giáo viên

- Giáo viên, báo cáo viên tham gia giảng dạy Chương trình Giáo dục bảo vệ sức khỏe phải có trình độ chuyên môn y tế, tốt nghiệp trình độ cao đẳng Y khoa trở lên. Giáo viên, báo cáo viên có thể là trạm trưởng trạm Y tế xã, cán bộ Trung tâm Y tế huyện hoặc viên chức công tác tại các trung tâm truyền thông sức khỏe y tế.

b) Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Cơ sở vật chất: Tùy vào đối tượng và quy mô lớp học để bố trí phòng học cho phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất tại địa phương.

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính, Ti vi, Video, các chương trình truyền thanh, truyền hình; các bộ sưu tập của người học liên quan đến lĩnh vực giáo dục bảo vệ sức khỏe.

- Tài liệu dạy học: Tài liệu đọc cho người học; tài liệu tham khảo cho hướng dẫn viên; tranh kỹ thuật, áp phích; tư liệu ảnh; mô hình, các video thực hành; báo, bản tin, tạp chí, tờ gấp có nội dung liên quan đến lĩnh vực giáo dục bảo vệ sức khỏe.

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

Chương trình Giáo dục phát triển kinh tế là một lĩnh vực giáo dục của Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học cập nhật, bổ sung và chuyển giao kiến thức cần thiết về công nghệ mới, sản phẩm mới, áp dụng công nghệ để tăng trưởng và phát triển kinh tế góp phần nâng cao thu nhập của bản thân, gia đình; phát triển kinh tế của địa phương và cộng đồng bền vững.

1. Năng lực

- Biết được những kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết thực về phát triển kinh tế trong cơ chế thị trường và hội nhập; phát triển kinh tế bền vững, trọng tâm là phát triển kinh tế ở nông thôn; một số kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, bảo quản và chế biến nông sản.

- Vận dụng những kiến thức, kỹ năng về phát triển kinh tế trong cơ chế thị trường và hội nhập, phát triển kinh tế bền vững, phát triển kinh tế ở nông thôn, kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản để người học có khả năng thích ứng và giải quyết có hiệu quả các yêu cầu và thách thức của sản xuất trong cơ chế thị trường và hội nhập; ứng dụng những công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất, phát triển kinh tế hộ gia đình, góp phần phát triển kinh tế địa phương và bảo vệ môi trường.

2. Phẩm chất

- Có ý thức và thói quen hạch toán kinh tế trong sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất để góp phần tăng thu nhập cho bản thân, gia đình và góp phần bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững.

- Dám nghĩ, dám làm, tự tin về bản thân, về khả năng có thể phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình.

- Có ý thức tuyên truyền trong gia đình và cộng đồng về những kiến thức, kỹ năng đã được học; có thái độ phê phán đối với những hành vi gây ô nhiễm môi trường hoặc vi phạm pháp luật trong phát triển kinh tế.

II. NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nội dung khái quát

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
CHỦ ĐỀ 1. PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG VÀ HỘI NHẬP	39	21	18
1. Phát triển sản xuất hàng hóa trong bối cảnh tế thị trường và hội nhập	3	3	
2. Tìm hiểu và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm	6	3	3
3. Hợp tác, liên kết kinh tế trong sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị	6	3	3
4. Thành lập hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa	6	3	3
5. Quản lý, vận hành và phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa	6	3	3
6. Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	6	3	3
7. Nâng cao chất lượng nhân lực phục vụ tìm kiếm việc làm và xuất khẩu lao động	6	3	3
CHỦ ĐỀ 2. PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG	36	24	12
8. Phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường	6	6	
9. Sử dụng và khai thác đất nông nghiệp theo hướng bền vững	6	6	

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
10. Sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng theo hướng bền vững	6	3	3
11. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi	6	3	3
12. Sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn chứng nhận	6	3	3
13. Vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, dịch vụ, nhà hàng	6	3	3
CHỦ ĐỀ 3. PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN	57	33	24
14. Chính sách nông nghiệp, nông dân và nông thôn của Đảng và Nhà nước	9	6	3
15. Tiếp cận dịch vụ công cho phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn	9	6	3
16. Phát triển sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm OCOP	6	3	3
17. Phát triển du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới	6	3	3
18. Phát triển kinh tế trang trại	6	3	3
19. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết	6	3	3
20. Kỹ năng hạch toán kinh tế trong sản xuất kinh doanh	9	3	6
21. Đăng ký nhãn hiệu và phát triển thương hiệu sản phẩm	6	6	

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
CHỦ ĐỀ 4. KỸ THUẬT TRỒNG TRỌT, CHĂN NUÔI	78	39	39
22. Kỹ thuật sản xuất lúa	6	3	3
23. Kỹ thuật sản xuất cây hoa màu	6	3	3
24. Kỹ thuật trồng cây ăn quả	6	3	3
25. Kỹ thuật trồng cây công nghiệp	6	3	3
26. Kỹ thuật trồng cây lâm sản và các loại cây dưới tán rừng	6	3	3
27. Kỹ thuật trồng hoa, cây cảnh	6	3	3
28. Kỹ thuật trồng cây dược liệu	6	3	3
29. Kỹ thuật chăn nuôi lợn	6	3	3
30. Kỹ thuật chăn nuôi đại gia súc	6	3	3
31. Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm	6	3	3
32. Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	6	3	3
33. Bảo quản và chế biến nông sản	6	3	3
34. Chọn và nhân giống cây trồng, vật nuôi	6	3	3
Tổng số tiết	210	117	93

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt

Chương trình Giáo dục phát triển kinh tế gồm có 4 chủ đề. Mỗi chủ đề có nội dung và yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực như sau:

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHỦ ĐỀ 1. PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG VÀ HỘI NHẬP		
1. Phát triển sản xuất hàng hóa trong nền kinh tế thị trường và hội nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đặc trưng của nền kinh tế thị trường và đặc trưng của sản xuất hàng hóa. Nêu được xu thế hội nhập và toàn cầu hóa. - Trình bày được yêu cầu kỹ thuật và pháp lý đối với sản phẩm (nông sản) của các thị trường xuất khẩu hàng hóa chủ lực của Việt Nam. - Phân biệt được sản xuất hàng hóa và sản xuất tự cung tự cấp. - Trình bày được các điều kiện cần thiết cho sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường. - Nêu được những thuận lợi (thị trường mở rộng, khách hàng đa dạng) và khó khăn (cạnh tranh trong và ngoài nước, tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe) trong sản xuất hàng hóa trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. - Biết cách tổ chức nguồn lực (đất, lao động, vốn) cho sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường một cách hiệu quả. - Biết cách tìm kiếm thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị và liên kết với các tổ chức kinh tế khác trong tiêu thụ hàng hóa ở thị trường trong và ngoài nước. 	<p>Các điều kiện để tổ chức sản xuất hàng hóa có hiệu quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết thực hiện nghiên cứu nhu cầu thị trường. - Phân tích được điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức trong sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường. - Trình bày được xu thế chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế theo định hướng thị trường.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất được mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa trong điều kiện hội nhập hiệu quả ở trong vùng. 	
<p>2. Tìm hiểu và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được sự cần thiết và lợi ích của nghiên cứu thị trường. - Nêu được những bất cập và hậu quả của sản xuất dựa trên cái mình có mà không dựa trên nhu cầu thị trường (hay trả lời được câu hỏi sản xuất cái gì? sản xuất bao nhiêu?). - Trình bày được nội dung và cách thức tìm hiểu nhu cầu thị trường. - Nêu được tầm quan trọng của phát triển thị trường thông qua tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị. - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến cầu một loại sản phẩm hàng hóa cụ thể (dân số, thu nhập, sở thích, mùa vụ, sự sẵn có của sản phẩm thay thế). - Biết cách tổ chức tìm hiểu, nghiên cứu và phân tích nhu cầu thị trường. - Biết cách tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển thị trường: quảng cáo, tiếp thị truyền thông. - Có trách nhiệm tuyên truyền trong đơn vị và cộng đồng về sự cần thiết phải sản xuất có kế hoạch xuất phát từ nhu cầu của thị trường. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
3. Hợp tác, liên kết kinh tế trong sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được lợi ích của hợp tác, liên kết kinh tế trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nền kinh tế thị trường. - Nêu được những khó khăn khi sản xuất kinh doanh đơn lẻ, không có hợp tác liên kết trong sản xuất kinh doanh. - Trình bày được các tác nhân có thể tham gia hợp tác, liên kết trong sản xuất kinh doanh. - Trình bày được nội dung, phương thức, hình thức và mức độ hợp tác, liên kết trong sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. - Vận dụng được lý thuyết và kinh nghiệm thực tế trong hợp tác và liên kết kinh tế trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp theo chuỗi giá trị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các tác nhân trong chuỗi giá trị bao gồm: hộ, trang trại, hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp; các tác nhân cung cấp dịch vụ công gồm: tổ chức tài chính, cơ quan nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, cơ quan xúc tiến thương mại.
4. Thành lập hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được lợi ích của việc thành lập HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Trình bày được các định hướng, chính sách hỗ trợ cho thành lập HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Nêu được thuận lợi, khó khăn khi thành lập HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Trình bày được quy trình thủ tục đăng ký thành lập HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Thực hành liên hệ vận dụng được quy trình thủ tục trong đăng ký thành lập HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành TW Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập; - Luật Hợp tác xã năm 2023.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<p>5. Quản lý, vận hành và phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các nội dung quản lý và vận hành HTX và doanh nghiệp nhỏ và vừa (Xây dựng chiến lược và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh; quản lý dịch vụ; quản lý tài chính; quản lý tiêu thụ sản phẩm; quản lý nhân lực). - So sánh được sự giống và khác nhau trong quản lý, vận hành HTX với doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Nêu được ưu điểm và nhược điểm của HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Nêu được lợi ích của xây dựng chiến lược và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh. - Xây dựng chiến lược và lập được kế hoạch sản xuất kinh doanh. - Thực hành đề xuất được một chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của HTX, doanh nghiệp. - Trình bày được nguyên tắc và nội dung của quản lý tài chính; quản lý dịch vụ; quản lý tiêu thụ sản phẩm và quản lý nhân lực). - Vận dụng được lý thuyết trong quản lý tài chính, quản lý dịch vụ, quản lý tiêu thụ sản phẩm và quản lý nhân lực của đơn vị. 	
<p>6. Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được lợi ích của chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. - Nêu được các điều kiện cần thiết để thực hiện chuyển đổi số trong phát triển kinh tế nói chung và trong sản xuất cũng như tiêu thụ sản phẩm nói riêng. 	<p>IoT: Internet kết nối vạn vật</p>

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các loại công nghệ số ứng dụng trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (IoT, cảm biến, robot, máy bay không người lái, thương mại điện tử). - Nêu được những thuận lợi và khó khăn trong ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. - Biết cách liên kết với các tổ chức kinh tế khác và huy động sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng trong thực hiện chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh của đơn vị. - Vận dụng ứng dụng được công nghệ số phù hợp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. - Có trách nhiệm tuyên truyền trong đơn vị và cộng đồng về sự cần thiết của chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. 	
7. Nâng cao chất lượng nhân lực phục vụ tìm kiếm việc làm xuất khẩu lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được lợi ích của việc làm và xuất khẩu lao động đối với phát triển kinh tế hộ gia đình và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quốc gia. - Nêu được xu hướng, cơ hội và thách thức đối với tìm kiếm việc làm và hoạt động xuất khẩu lao động. - Trình bày được các yêu cầu về sức khỏe, kiến thức, kỹ năng và ý thức đối với từng loại công việc ở từng quốc gia khác nhau. - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam về quản lý lao động xuất khẩu (đặc biệt về quyền và nghĩa vụ của lao động xuất khẩu). 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tên và chức năng của các cơ quan bảo vệ quyền lợi của người lao động ở Việt Nam và nước ngoài. - Trình bày được các chính sách hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm và đi làm việc tại nước ngoài của Nhà nước và địa phương (xúc tiến việc làm, tín dụng, đào tạo nghề). - Nêu được các kênh chính thống hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm và đi làm việc tại nước ngoài ở Việt Nam. - Thực hành lựa chọn được loại công việc phù hợp với sức khỏe, kiến thức, kỹ năng của bản thân. - Biết cách tự bảo vệ quyền lợi của mình khi tham gia xuất khẩu lao động. - Nhận biết được các thủ đoạn lừa gạt người lao động đi làm việc ở nước ngoài. - Thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền hạn của người lao động theo hợp đồng. 	
CHỦ ĐỀ 2. PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG		
8. Phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò của sản xuất nông nghiệp đối với phát triển bền vững của cộng đồng, quốc gia. - Nêu được những lợi ích của sản xuất sạch đối với sức khỏe con người và môi trường. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân và hậu quả của việc phát triển sản xuất không quan tâm tới bảo vệ môi trường. - Trình bày được thực trạng phát triển sản xuất và bảo vệ môi trường của hộ gia đình, làng nghề, doanh nghiệp. - Đề xuất được giải pháp, mô hình phát triển sản xuất gắn với bảo vệ môi trường phù hợp với thực tiễn của gia đình, địa phương. - Có trách nhiệm tuyên truyền mọi người trong gia đình, cộng đồng quan tâm tới bảo vệ môi trường khi phát triển sản xuất. Có ý thức phê phán những hoạt động sản xuất gây ô nhiễm môi trường của các cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, doanh nghiệp. 	
9. Sử dụng và khai thác đất nông nghiệp theo hướng bền vững	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò của đất nông nghiệp đối với người nông dân và an ninh lương thực. - Nêu được thực trạng sử dụng và khai thác đất nông nghiệp hiện nay. Liên hệ với thực tiễn sử dụng và khai thác đất nông nghiệp ở địa phương. - Trình bày được một số chủ trương, chính sách và quy định pháp luật về sử dụng, khai thác đất nông nghiệp và vận dụng phù hợp với thực tiễn của địa phương. - Liên hệ được về thực trạng sử dụng, khai thác đất nông nghiệp tại địa phương. - Có ý thức tuyên truyền sử dụng và khai thác hiệu quả đất nông nghiệp. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<p>10. Sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng theo hướng bền vững</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thực trạng của việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng trong sản xuất nông nghiệp. - Nêu được nguyên nhân và hậu quả của việc lạm dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hóa học và chất kích thích tăng trưởng trong sản xuất nông nghiệp. - Nêu được lợi ích của việc sử dụng phân bón hữu cơ, chế phẩm vi sinh vật, biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trong sản xuất nông nghiệp. - Trình bày được một số biện pháp sử dụng phân bón, phòng trừ sâu, bệnh hại và sử dụng chất kích thích tăng trưởng an toàn, hiệu quả, thân thiện với môi trường trong sản xuất nông nghiệp. Đề xuất được biện pháp phù hợp với thực tiễn của địa phương. - Thực hành làm được phân hữu cơ phù hợp với thực tiễn của địa phương (nguồn nguyên vật liệu, điều kiện cơ sở vật chất). - Thực hiện được biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) phù hợp với thực tiễn địa phương. - Có trách nhiệm tuyên truyền, vận động mọi người trong gia đình, cộng đồng sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng trong sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
11. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thực trạng của việc thu gom, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở địa phương. - Nêu được ảnh hưởng của việc không thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi đối với sức khỏe con người, hiệu quả chăn nuôi và môi trường. - Trình bày được các biện pháp phổ biến thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi để bảo vệ môi trường. - Trình bày được nguyên lý hoạt động, ưu và nhược điểm của mô hình Biogas trong việc xử lý các chất thải chăn nuôi. - Đề xuất được quy hoạch xây dựng chuồng trại chăn nuôi và biện pháp thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi phù hợp với thực tiễn của địa phương. - Có trách nhiệm thu gom, xử lý được chất thải chăn nuôi phù hợp với thực tiễn chăn nuôi của gia đình, địa phương, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường. - Có ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi và tuyên truyền mọi người trong gia đình và cộng đồng quan tâm tới bảo vệ môi trường khi phát triển chăn nuôi. 	
12. Sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn hữu cơ, VietGAP, AseanGAP, GlobalGAP. - Nêu được tiêu chí của trồng trọt và chăn nuôi theo tiêu chuẩn hữu cơ, VietGAP, AseanGAP và GlobalGAP. - Trình bày được tiêu chuẩn trồng trọt và chăn nuôi VietGAP, hữu cơ của một số loại cây trồng, vật nuôi phổ biến. 	<ul style="list-style-type: none"> - VietGAP: Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt Việt Nam. - AseanGAP: Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt Đông Nam Á. - GlobalGAP: Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt toàn cầu.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được quy trình, thủ tục của việc đăng ký và sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, VietGAP, AseanGAP và GlobalGAP. - Thực hành lựa chọn được quy trình hữu cơ, VietGAP, AseanGAP và GlobalGAP cho một số loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với thực tiễn của địa phương. - Thực hiện được việc trồng trọt và chăn nuôi theo chuẩn hữu cơ, VietGAP, AseanGAP và GlobalGAP phù hợp. 	
13. Vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, dịch vụ, nhà hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, dịch vụ, nhà hàng. - Trình bày được quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, dịch vụ, nhà hàng. - Nêu được thực trạng vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, dịch vụ, nhà hàng ở địa phương và trên cả nước. - Đề xuất được giải pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, dịch vụ, nhà hàng phù hợp với thực tiễn của địa phương. - Thực hiện nghiêm túc các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, dịch vụ, nhà hàng. - Có ý thức tham gia và tuyên truyền vận động người dân trong cộng đồng thực hiện tốt quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, dịch vụ, nhà hàng. 	

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng